

TRI TÀN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Từ việc dùng danh-từ mới đến sự
tiến-hóa của việt-ngữ *Lê-Thanh*
Một người Pháp làm vua xứ mọi *Liên-Giang*
Thành Thăng-long với cuộc đổi thay (II) *Trần-huy-Bá*
Phê-bình « Chồng con » *Nhân-Nghĩa*
Nguyễn-Hoàng-Đức *Nguyễn-Triệu*
Hợp-ước tương-trợ Pháp, Nhật về
việc phòng-thủ Đông-dương *Nhật-Nham*
Chúa Võ-vương nhà Nguyễn trong
mắt một sứ-giả Pháp *Tiên-Đàm*
Nguồn gốc của mỹ-thuật *Lê-Tảo*
Tiểu thuyết « Bà Quận Mỹ » (X) *Chú-Thiên*
Nhà đại văn-hào ấn-độ mới qua
đời : R. Tagore *Nhân-Nghĩa*
Thơ Bạch-Cư-Dị *Hoa-Bằng*
Tập trở, Tùy hứng, vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5\$50 — 6 tháng 2\$80 — 3 tháng 1\$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Từ việc dùng những danh - từ mới đến sự tiến - hóa của việt - ngữ

Lê - Thanh

Sự tiến-hóa của học - thuật nước ta bắt-buộc ta phải có nhiều danh-từ mới làm dụng-cụ cho những tư-tưởng mới. Có lẽ sự « phải có » ấy đã làm cho những bậc tiền-bối của chúng ta nhiều khi phải dịch lên một tiếng ngoại-quốc nào, hoặc « chế » ra một tiếng mới để dùng tạm cho thời bấy giờ.

Đối với những tiếng đã bị dịch hoặc chế-tạo ra một cách vội vàng như vậy, bây giờ ta phải ôn lại nghĩa của nó. Nếu chưa được xứng đáng với việc hoặc vật ta muốn chỉ, ta phải thay ngay bằng một tiếng khác đúng hơn.

Trong Tri-Tân số 9, ông bạn Hoa-Bằng có nói đến việc dịch tiếng *grammaire* của tôi. Đó cũng chỉ là việc ôn lại nghĩa một chữ mà thôi.

Còn nhớ khi tôi còn học ở một trường nhỏ ở thôn-quê, tôi vẫn thấy thầy giáo gọi cuốn *grammaire* là cuốn *mẹo*. Tôi đã tự-nhiên gọi theo là cuốn *mẹo*, không hề tự hỏi tại sao người ta lại gọi nó là cuốn *mẹo*.

Đến khi học đến một lớp trên trường Cao-dẳng tiểu-học, tôi bị ông Đốc trường ấy, một người pháp, nhờ dạy tiếng việt-nam.

Một hôm, tôi phải dịch tiếng *grammaire* cho ông. Dĩ-nhiên, tôi dịch là *mẹo*. Ông mỉm cười hỏi :

C'est-à-dire *truc* (nghĩa là *truc*)? (1)

Tôi đành bạo : « Phải, *mẹo* nghĩa là *grammaire*, lại có nghĩa là *truc* nữa » Rồi tôi th'm

« D'ailleurs pour nous, la *grammaire* est l'ensemble de *petits trucs* qui aident à bien parler et écrire notre langue ».

Ông cười to làm cho tôi bối-rối. Tôi không nhớ rõ cảm-tưởng của tôi lúc bấy giờ, không biết tôi đã hối-hận vì nói lên một câu mà mình không chắc có đúng không hay là mình đã hồ-thẹn vì tiếng nước mình không có một văn-pháp có những qui-tắc chặt-chẽ, mà chỉ có những *mẹo nhỏ* giúp mình viết cho đúng tiếng của mình mà thôi.

Bây giờ có lẽ thấy danh-từ « *mẹo* » ấy không được xứng-đáng với khoa-học này, nên nhiều nhà văn, nhà báo ta đã đem danh-từ *văn-pháp* của Tàu thay vào. Tiếng ấy đã được thấy trong những cuốn từ-diện của Cordier, Đào-duy-Anh và trên báo-chí ta cũng thường thấy các nhà văn, nhà báo đem ứng dụng.

Nhưng phải công nhận rằng danh-từ ấy được phổ-thông lắm. Các ông Lê-Thước và Nguyễn-hiệt-Chi còn dẫn đề cuốn sách của các ông : « *Mẹo tiếng nam* ». Trong bộ từ-diện của Cordier, bên tiếng *văn-pháp* vẫn còn tiếng *mẹo*.

Tiếng ấy ngày nay chưa thể bỏ mà không dùng, vì người ta đã quen với nó lắm rồi ; nói câu văn này dùng « *mẹo* » vẫn dễ hiểu hơn là câu văn dùng « *văn-pháp* » hơn. Tuy vậy, vì tương lai, ta nên thay dần tiếng ấy bằng tiếng khác ; biết đâu sau này tiếng « *mẹo* », vì tự nhận mình không hợp thời nữa, chẳng

nhường chỗ cho một tiếng khác để riêng cho mình cái địa-vị một tiếng « *lịch-sử* » mà thôi.

Nhưng ta có nên dùng danh-từ « *văn-pháp* » để dịch *grammaire* không ? « *Văn-pháp* » là một « *danh từ* » mượn của Tàu. Không một bộ pháp-hoa từ-diện nào mà tiếng *grammaire* không được dịch là « *văn-pháp* ».

Các nhà soạn từ-diện ta lấy nó chỉ *grammaire*, tưởng đã là chí lý lắm.

Nhưng ta hãy ôn lại giá-trị từng phần-tử của danh-từ ấy :

Văn pháp = văn + pháp
= *phép* làm văn hay hơn nữa *luật* làm văn.

Chỉ mới chia danh-từ ấy ra, trông thấy giá-trị của từng phần-tử một, ta đã không muốn đem nó để dịch tiếng *grammaire* rồi.

Grammaire của Pháp, theo nghĩa ngày nay, không phải chỉ là một thuật giúp người ta viết văn cho đúng, mà là một khoa-học rất rộng nghiên-cứu về những tài-liệu xây thành một từ-ngữ ; những tài-liệu ấy là *âm-thanh* (phonétique), *hình-thể từ* (morphologie), *giá-trị và sự thay đổi của mỗi từ* (fonction) và sau cùng *qui luật làm văn* (syntaxe)

Danh-từ « *văn-pháp* » của Tàu chỉ có nghĩa *syntaxe* của Pháp ngày nay mà thôi.

Sở-dĩ Tàu đã dùng danh-từ ấy, là vì thật ra, Tàu không có một *grammaire* trọn, nghĩa là một khoa-học nghiên-cứu về ngôn-ngữ.

(1) Tôi cũng biết chữ « *mẹo* » có thể ở « *mẹo mực* », nhưng ở tiếng ghep này cái nghĩa cũng không được đẹp lắm.

từ chương, mà chỉ có một qui-tắc làm văn (*règles syntaxiques*) thôi.

Vì ta hi-vọng quyền *grammaire* của ta sau này sẽ không có riêng những qui-tắc làm văn mà có cả phần khảo-cứu về âm-thanh, thê-từ..., nên ta không nên dùng *văn-pháp* để dịch *grammaire*; ta sẽ dùng nó để dịch *syntaxe*.

Còn *grammaire*?

Căn-cứ vào những lời bàn trên, tôi nghĩ đến việc đem tiếng *ngữ* thay cho tiếng *văn*: tôi có *ngữ-pháp*.

Nhưng, để ý ôn lại giá-trị của tiếng « pháp », tôi nhận danh-từ *ngữ-pháp* với một sự bất-mãn. Văn biết chữ *pháp* của Tàu có nghĩa là *phép*, là *qui-tắc*, nhưng nghĩa nó xa « *qui-tắc* » (*règle*) hơn là *luật* (loi) = *luật-pháp*.

Sự phân-biệt ấy đưa ta đi tìm một tiếng gì có nghĩa gần « *qui-tắc* » hơn là *luật* (luật là cái gì cũng nhất-nhất buộc phải theo đúng, không được trừ ra..., mà những « luật » về từ ngữ có buộc thế bao giờ đâu).

Và tôi đã tìm đến hai tiếng *ngữ-phạm*.

Việc làm giàu tiếng ta bằng cách dịch những tiếng ngoại quốc đã có người chủ-trương rằng nên dịch theo âm những chữ khó, thí dụ như tiếng « *inspiration* ».

Từ trước tôi đã thấy người ta theo Lương-Khải-Siên bên Tàu mà dịch âm tiếng *inspiration* ra tiếng Hán-Việt là *yên-sĩ phi-lý-thuần* (1). Bây giờ tiếng này đã phổ - thông lắm. Nhưng không phải là một cơ để ta giữ nó mãi mãi. Vì một lẽ là ta có thể tìm được một tiếng khác có giá-trị về phương-diện từ ngữ hơn: *cảm-hứng*.

Inspiration nói về thi-ca là gì, tức là một *cảm-xúc* về thơ — *une émotion poétique* — hơn nữa một *cảm xúc* nó làm cho nhà thi-sĩ có *hứng thú* làm thơ.

Giải như vậy, tôi tưởng có đem tiếng đôi *cảm-hứng* dịch tiếng *inspiration* thì không có là đáng dị-nghị cả.

Tôi không hiểu vì lẽ gì từ trước người ta lại không dịch như vậy.

Tôi đã được thấy trong kho sách mà hiện nay ta có thể có: cuốn « *Vocabulaires français chinois des sciences politiques et morales* » (pháp-hoa chuyên-môn từ-điền) của J. Médar xuất bản ở Tsien sin, trong ấy ta có thể có đủ những tiếng dùng trong những khoa-học: Triết-lý, xã-hội, tin-nguỡng, luật-pháp, văn-chương, sử-ký, địa-dư, ngữ-phạm, tài-chính, kế-toán, chính-trị, binh-bị, v. v.

Nếu bây giờ có thể xin phép tác-giả dịch nguyên âm những chữ tàu trong quyển ấy ra, ta có thể nói là ta có một bộ pháp-việt chuyên-môn từ-điền rất cần cho xứ sở.

Đã lâu tôi được nghe nói ông Lã-vĩnh-Lợi, tác giả cuốn « *Việt-nam chính-lã tự-vị* » đã định theo cuốn ấy soạn một cuốn tương tự, nhưng nay chưa thấy cuốn sách xuất bản. Ông đã gặp nhiều nỗi khó khăn chăng?

Tôi tưởng công việc ấy phải được một nhóm người đứng lên làm, không phải chỉ dịch bằng những tiếng tàu mà phải ôn lại nghĩa của mỗi tiếng. Tiếng tàu chưa có thì phải mượn của Nhật, hoặc giải quyết bằng một cách khác để ta có những tiếng ta phải có, dù bằng một cách nào.

Khi tôi ở Saigon có một lần được nghe một người ngoại quốc diễn-thuyết về một vấn đề gì tôi không nhớ, chỉ nhớ rằng trong bài diễn-thuyết có nhắc đến thanh niên ta.

Đại khái người ấy nói rằng: thanh niên Việt-nam có làm việc cho văn-chương của họ nhưng họ đã làm những việc gì?

Họ soạn những tập thơ, viết những tập tiểu-thuyết, mà những vai chủ động là những mối tình vợ-văn có cái đặc tính có thể làm cho cái tình thần của thanh niên đã bạc nhược lại bạc nhược thêm. Và họ chỉ làm có thế. Một ngày, họ có xách cái xe đạp (1) ra một cái hiệu nhỏ để chữa, họ đã không đủ tiếng để dùng, và phải mượn đến tiếng pháp rồi!

Tôi tưởng lời cảnh tỉnh ấy ai là người có tâm huyết đối với tiếng Việt-nam được nghe lắng phải suy nghĩ, ghi sâu vào trí nhớ để làm phương tiện khuyến khích mình trong việc phụng sự quốc-văn.

LÊ THANH

(1) Có người gọi tắt là « yên-sĩ ».

Diễn-từ của Thống-chế Pétain (1)

XUẤT nay những bậc danh tướng có mấy khi « hẹn đến bạc đầu » (2).

Thống-chế Pétain là bậc danh tướng, tuổi ngoài bảy tuần, đã đứng ra cải-lao nước Pháp, đã đề-xướng lên chủ-nghĩa « cần-lao, gia-đình, tổ quốc ».

Mấy bài diễn từ, tuyên-ngôn của Thống-chế có thể gọi là cuốn cẩm-nang của cả một dân-tộc. Đọc những áng văn hùng-hồn, danh thép ấy, ai ai cũng hưng-khởi mà tin ở vận mệnh quốc-gia và tiền-đồ của nước Pháp.

Sau khi lễ-chức tuần lễ Pháp quốc hải-ngoại, tập diễn-từ của Thống-chế được đem ra xuất-bản phiên-dịch để hai dân tộc Pháp, Nam cung đọc để cộng tác mà gây tình đoàn-thề cho Đế-quốc Đại-pháp ở hải ngoại.

Tri-Tân xin giới thiệu với các bạn độc giả tập diễn-từ ấy.

(1) Sách in giấy đẹp do phòng báo-chí xuất bản. Bản chỉ xin trân-trọng cảm tạ ông Huỳnh Lê Tái-Trưởng đã gửi cho.

(2) Thơ cổ

Giải nhân tự cổ như danh tướng,
Bất hứa nhân-gian kiến bạc đầu.

Một chuyện lạ ở quốc-sử cận-đại :

Một người pháp làm vua xứ mọi

Liên - Giang

NHỮNG nhà sử-học phần nhiều chỉ biết có người pháp sang làm quan bên nước ta, như Despieux, Vannier, làm cận thần cho vua Gia-Long ; người đức sang làm quan bên nước Tàu, như Adam Schall, làm ở Khâm-thiên-giám cho vua Khang-Hy. Ít nhà đã rõ có một người pháp đã từng bước chân sang đất Đông-dương này, tự tôn làm vua ở xứ mọi, được một thời kỳ, trên chốn cao nguyên ở phía nam Trung kỳ.

Chuyện kể ra cũng lý-thu, tựa như một chuyện phiêu-lưu, nhưng chuyện đó có thực. Ai vào Huế, đến tham nhà bảo-tàng Khải-Định, có thấy bức ảnh một người tây, dưới cằm hai chòm râu bạc, bàn quốc-vương-phục phương tây, tay phải cầm mũ, tay trái cầm một binh-khí xứ mọi gài vào thắt lưng, ấy chính là vị chủ-động bài này, tức là vua Nam bàn xứ mọi.

Xứ cao nguyên này, theo Hoàng-Việt Địa-Dư chí, thì là một nước mọi, gọi là nước Nam bàn Theo địa-dư bây giờ, thì địa-giới chủ-vi thuộc cả về tỉnh-lỵ Kontum cai quản

Toàn hạt có nhiều giống mọi khác nhau, Sê-đăng, Bà-nam, Bì, Thờ-ma, Ra-đê, vân vân. Trong từng ấy giống, duy có giống Sê-đăng là đông hơn, thường có họp phiên chợ để giao-thiệp đối-trắc với người việt-nam.

Vào khoảng niên - hiệu Đồng - Khánh thứ ba (1888), có một người pháp tên là David de Mayrena, quê ở Toulon, tiến vào xứ Nam-bàn, tự xưng là vua dân mọi Sê-đăng, lấy vương hiệu là Marie Ier, đặt quan, chia chức, ban bố luật-lệ

Nguyên xuất thân ở đội hải-quân pháp, sau theo đạo binh khai thuộc-địa, ông được làm lữ-trưởng, vào tiến công xứ Nam-kỳ. Hồi chiến tranh năm 1870 ở Pháp, ông đã có quân-công, lên chức đại úy ở tuần tể-

đội, nhân thế, có bội-tinh Bắc-Đầu.

Ông cưới vợ xong, xoay đủ nghề nào làm báo, nào làm thầy ký ở các công sở. Lại có gan lập một nhà ngân-hàng. Kế phá sản, liền bỏ đi hải-ngoại tìm sự-nghiệp ở Nam-dương quần-đảo. Chẳng bao lâu, lại trở về Pháp, vận-động thế nào lại được nhà nước sai luôn đi công cán xứ ấy. Nhưng, khi đến Sài-gon, ông bèn ở liền tại đó, không qua xứ Sumatra nữa

Ở lại tỉnh Sài-gon, ông liền tổ-chức những công-cuộc khai-khẩn xứ Nam-kỳ, như tìm nhựa cây, mỏ vàng, và các hàng hóa thuộc-địa. Đã có một vài lần có sự lôi thôi với chính-phủ Nam-kỳ, sau lại được chính-phủ giao cho việc đi công-cán ở nội-địa xứ mọi. Chẳng qua bởi khó chịu về ông, nên chính-phủ kiếm cách xa ông ra.

Tưởng rằng xa ông ra như thế, thì đỡ lắm chuyện phiền cho chính-phủ, không ngờ ông đi, lại sinh ra nhiều việc thôi-thôi hơn.

Dân xứ mọi vốn ghét những người lạ, thường tìm cách xua đuổi những người ngoài lọt vào thung-lũng họ. Đối với người việt-nam, người lao, người cao-miên cũng vậy, họ không ưa ai cả, nên không muốn cho ở gần họ. Chỗ cao-nguyên họ ở, chung quanh bao bọc những dãy núi cao, lại có tiếng ma thiêng nước độc. Vì thế ở riêng một khu-vũ, dân họ tự cai trị lấy nhau. Có giao-thiệp với ngoài, chỉ hạn chế trong sự đổi thóc gạo, vàng, ngà voi, hạt tiêu, mật ong lấy muối và vải mà thôi.

Khi David de Mayrena vào tham xứ này, thì chính phủ Pháp mới lập xong công cuộc chinh-trị hợp nhất xứ Đông - dương được một nam. Tuy xứ Nam kỳ bấy giờ đã là nhượng địa được 20 năm rồi, nhưng cuộc bảo-hộ nước ta và Cao-miên vừa thiết lập xong, nên chính-sách cai trị hãy còn dặt dề, chưa phổ-

cập tới đất xứ mọi.

Vua nước Xiêm khi ấy, thừa cơ cũng đòi thung-lũng dân mọi về quyền cai-trị của mình. Vua Xiêm tự nhận là vua của giống thái, sai sứ sang Lào và các miền dân thổ thuộc về quyền nước ta.

Sứ-mệnh Pavie sắp được cử đi để tranh biện về việc đó, thì chẳng bao lâu, xảy ra việc tàn sát người pháp và việc rắc-rối ở Bangkok. Chính-phủ Pháp, không dặt-dè nữa, liền thi-hành nốt cuộc bảo-hộ nước Lào. Vậy cuộc công-cán của De Mayrena này là để tìm một đường nối liền từ nội-địa xứ Trung-kỳ với lưu-vực sông Mékong

Việc đi viễn-lược này phải cầu đến những vị cổ đạo giúp sức để tìm cách thân-thiện với những tù-trưởng mọi. Có giao-hảo được với họ, thì ảnh-hưởng của nước Bảo-hộ mới lọt đến những miền xa-xôi này. Nhưng việc giao-thiệp phải rất khôn-khéo, để cho nước Xiêm khỏi ngờ-vực, vì nước Xiêm khi ấy, có nước Anh chủ trương ở trong.

De Mayrena đã được thụ ý rằng, khi vào đến xứ mọi, phải kíp gửi cho đại-biên việt-nam sang dự cuộc triển-lãm ở Paris những thổ-sản, khoáng-sản và các động-vật ở xứ mọi cùng những vật-dụng có quan hệ đến phong-tục ở xứ ấy.

Như trên đã nói, dân mọi không ưa người nước ngoài. Nhưng duy có các cổ đạo ở Kontum là vào lọt được giữa chỗ họ ở mà thôi. Vì câu chuyện tàn sát dân cơ-đốc và việc khởi-nghĩa của đảng văn-thân ở Trung-kỳ vào giữa năm vua Hàm-Nghị lên ngôi (1885), nên các nhà giảng đạo trốn tránh vào đất mọi nhiều lắm. Lúc đầu, họ còn giam lỏng các nhà truyền giáo vào một nơi độ hai năm, không cho giao-thông với ngoài. Sau, họ hiểu câu chuyện các nhà ấy bị dân mình hà-hiếp, sau bụng ghét người mình nên họ đổi cách đối-đãi. Bởi vậy, những nhà truyền-giáo dần dần gây được lòng tin yêu của họ.

xem tiếp trang 21

THÀNH THĂNG - LONG

với cuộc đổi thay

(Có kèm bản đồ để tiện kê cứu)

Số 2

Biệt Lam TRẦN HUY BÀ

Thăng-long dưới triều Trần

NĂM Canh-dần (1230) đời vua Thái-tông nhà Trần, có đắp lại thành Thăng-long và lập ra hai cung: Cung Thánh-từ để Thượng-hoàng ngự; cung,

Quan-triều để Hoàng-đế ngự

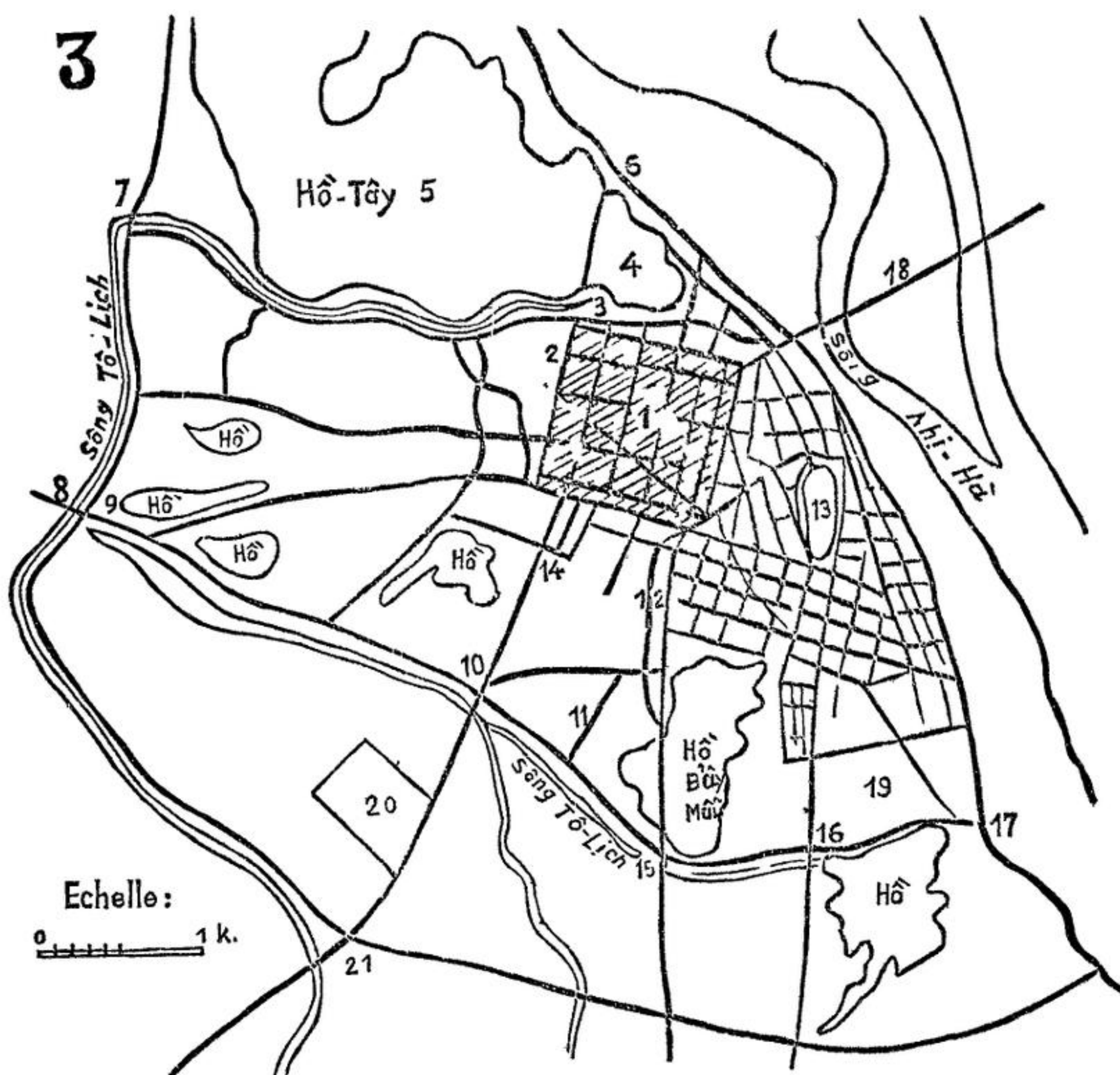
Năm Quý-mão (1243) Taiên-ưng Chính-bình thứ 12, lập ra thành Long-phụng.

Vị-trí thành Thăng-long đời Lê Hồng-Đức

Năm Mậu-thân (1428) đời Lê Thái-tổ, Thuận-thiên năm đầu, lập ra điện Kinh-thiên ở giữa đỉnh núi Nùng-sơn (hoặc gọi là núi Long-độ), điện Vạn-thọ và điện Cần-chính (xem lại bản-đồ số 1 đăng ở T. T. số 10).

Năm Ất-dậu (1465) đời Lê Thánh tông, Quang-thuận thứ sáu, sửa lại điện Kinh-thiên, và lập ra điện Cần-đức

Năm Đinh-dậu (1477) Hồng-đức thứ tám, đắp lại thành Thăng-long theo vị-trí như sau này: phía nam tới đền Văn-miếu, phía bắc đến sông Tô lịch (tức phố Tô-lịch bây



Bản đồ số 3. — 1 Thành cũ Hà-nội
2 Phủ Toàn-quyền. 3 Đền Trấn-vũ.
4 Hồ Trúc-bạch. 5 Hồ Tây. 6 Ô
Yên-phụ. 7 Ô Yên-thái. 8 Ô Cầu-

giấy. 9 Đền Linh-Lang. 10 Ô chợ
Dừa. 11 Phủ chúa Trịnh. 12 Nhà
gare. 13 Hồ Hoàn-kiểm. 14 Đền
Văn-miếu. 15 Ô Đồng-lầm. 16 Ô

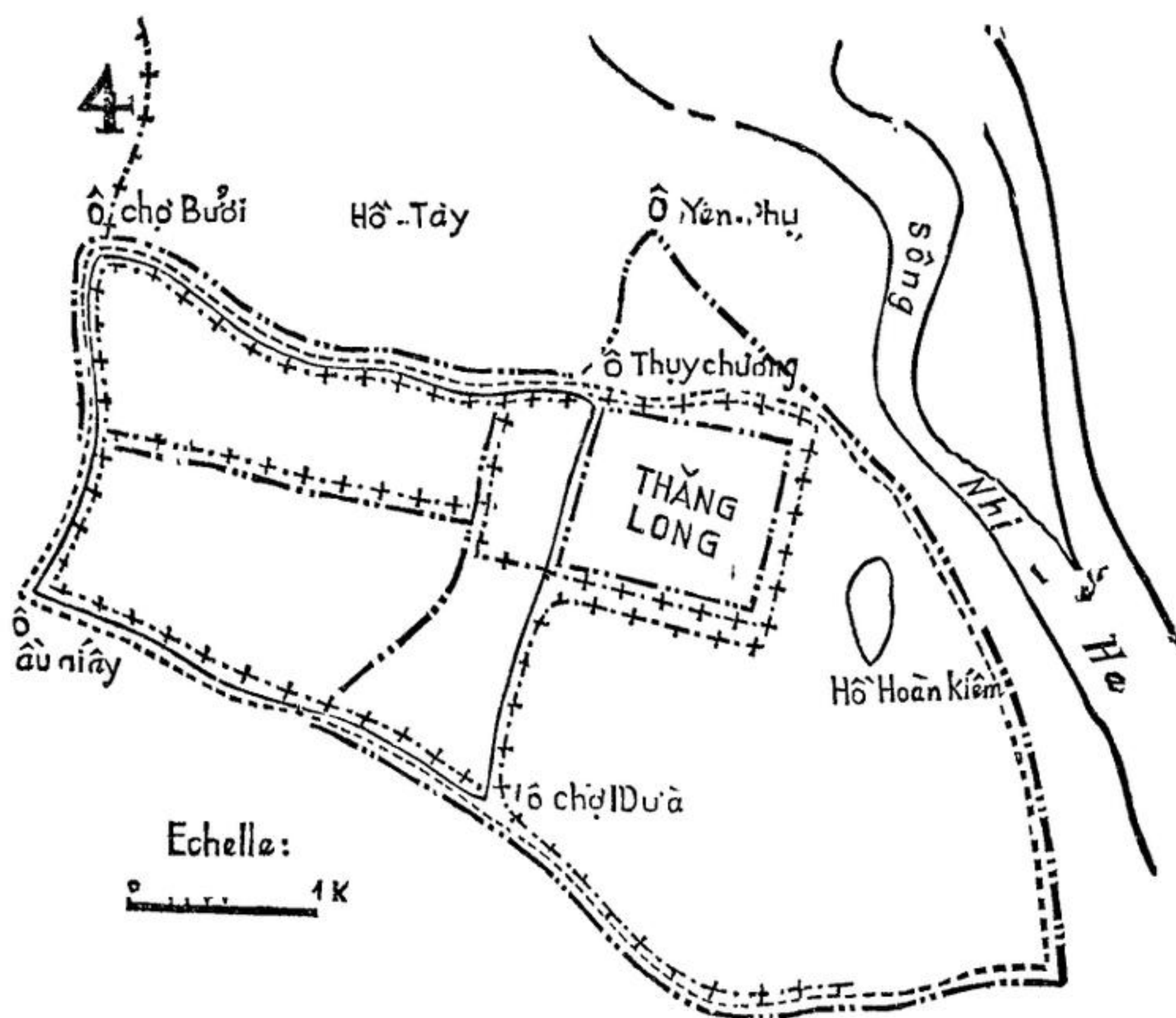
Cầu-dền 17 Ô Đống-mác. 18 Cầu
Doumer. 19 Đền Hai Bà. 20 Ấp
Thái hà. 21 Ngã tư sở.

(1) — Phỏng đoán La-thành của Trương-Bá-Nghi đắp năm 767
(xem thêm Nước Nam số 65).

(2) Phỏng đoán La-thành của Cao-Biền năm 866.

(3) +.+.+. Đại-la thành về đời Lý, Trần, Lê (1019 — 1788).

(4) .-.-. Đại-la-thành về đời Tự-đức (1848 — 1883).



giờ), phía đông từ làng Đức môn tổng Đông-xuân (phố cửa Đông bây giờ), phía tây khởi từ làng Nhật-chiều.

Năm Hồng-thuận (1509) đời Tương-đức, xây thành bao vây cả sông Tô-lịch. Nam sau, lại xây bao cả đèo Trắc-vũ, phường Thiên-hoa và phường Kim-cổ để làm thành, rộng hơn nghìn trượng. Từ phía đông đến phía tây-bắc, qua cả sông Tô-lịch, trên đắp làm hoàng thành, dưới đắp làm ngòi dẫn thủy, có thể chở được thuyền bè.

Năm Nhâm-thân (1512). Hồ-gi-thuận thư tư, lập ra Cửu-trùng-đại.

Đời Mạc đắp thành Đại-la làm ba tầng lũy

Nam Đoan-thái (1586-1587) nhà Mạc đắp lại thành Đại-la ra ba tầng lũy. Công việc vĩ-đại, làm ngót một năm mới xong. Bít đầu từ Nhật-chiều, Tây hồ đến cầu Dừa, cầu Dền, vượt sông Nhị-hà qua địa

phận Thanh-tri về phía tây-bắc, cao hơn thành Thăng-long đến vài trượng, rộng hai mươi nhăm trượng. Đến khi Mạc Mậu-Hợp bỏ thành chạy, chúa Trịnh-Tùng cho san phẳng, thành bình-địa đến vài nghìn trượng.

Đời Lê Trung-hưng, Thăng-long được đắp lại ngoại-thành

Năm Ất-dậu (1585) Quang-hưng thứ tám, đắp lại thành Thăng-long.

Năm Kỷ-ty (1749). Cảnh-hưng thứ mười, thấy chốn kinh-thành là nơi trọng-yếu, mà hào lũy bao bọc đã bị san phẳng, không lấy gì che-chở cho nội-thành được, các nhà cầm quyền bấy giờ bèn nhân vết cũ, lại cho đắp lại ngoại-thành: rộng bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai tầm, mở ra hai mươi một cửa ô. Vết thành cũ hiện giờ vẫn còn.

Triều Minh-Mệnh dời Thăng-long làm Hà-nội

Năm Giáp-tí (1804), Gia-long thứ ba, xây lại thành Thăng-long. Nguyên vì nội-thành của nhà Lê đã đổ nát, chỉ còn cửa Đại-bưng ở phía nam và cửa Đông-hoa ở phía bắc, nên vua Gia-long mới sai xây lại thành Thăng-long: Chu-vi 432 trượng, cao một trượng một thước hai tấc, chung quanh có hào rộng bốn trượng. Lập ra hành-cung chính điện hai tòa (ngay chỗ điện Kinh-thiên của nhà Lê khi trước), tả hữu vu mỗi bên một tòa. Mặt sau lập nội-điện ba tòa, tả hữu vu mỗi bên hai tòa. Phía sau cùng lại lập ra Tỉnh-bắc lâu. Ngay trước chính-điện thông ra cửa Đoan-môn, có xây một con đường đá. Tấm bia đá có chữ « Đoan-môn » là di-tích của nhà Lý còn lại vậy.

Thành mở ra nam cửa Chính đông, Chính tây, Chính nam, Chính bắc, Đông-nam và Tây-nam. Trên
xem tiếp trang 13

Thống chế PÉTAİN

đã nói :

« Chúng ta bao giờ cũng nên
« nhớ rằng mục đích của việc
« giáo dục là làm cho toàn thể
« dân Pháp - Nam trở nên
« những người ưa mến sự làm
« việc và sự cố gắng ».

Cải-chính

T. T. số 10 — Trang 2, cột 2, dòng
9: chủ nghĩa, sửa là chủ ngữ; dòng
17: thì sao gọi là văn văn được...,
sót chữ văn; tr. 11, c. 2, d. 47:
Gaspor, sửa là Gaspar; d. 48:
Barbora, sửa là Barbosa; tr. 13, c.
2, d. 18: câu đối, sửa là cần đối;
d. 35: biến thể, sửa là biến thể; tr.
15 c. 3, d. 8 — 10: thừa từ « lại
giữ » đến « 1918 »; tr. 17. c. 1, d.
18: trừ nhị, sửa là trừ-nhị; c. 2, d.
19: Hiềm trung, sửa là H:ên trung.

Tạp-trở

Trả thù lỗi Mỹ

BẮT cứ ở nước nào, nếu ai bị
« mọc sừng » thì dầu chết cũng
cam lòng, người đó cũng tìm kẻ
báo thù để người cơn giận.

Ở đây, người ta quen dùng tới
lưỡi dao oan-nghiệt để kết-hiệu đời
người vợ bạc-tình đã nở xan-xẻ
trái tim với tình-lang. Người ta còn
tìm cho được tên trộm .. ái-tình để
đưa hẳn về chín suối !

Ở Pháp, thì đã có nòng súng lục
để kết án những quân dân phụ.
Người ta còn dùng tới lưỡi gươm
một phen sống chết quyết lấy máu
kẻ thù để rửa vết thương danh-dự.

Bên Mỹ thì khác. Họ trả thù một
cách dửng-cảm. Báo Mỹ có kể lại
truyện một đôi bạn A và B cùng là
thợ máy của một sở hỏa-xa.

Biết chuyện A đã manh tâm
quyết rũ vợ mình, B muốn hả nỗi

căm hờn, mới A tới sở làm để anh
em chung kiên.

Sau khi đã tìm được trọng-tài, cả
hai đều trèo lên hai toa máy cùng
trên một đường sắt nhưng mỗi toa
để một đầu cách xa nhau chừng
răm cây số và châu đầu vào nhau.

Theo hiệu còi, A cùng B mở tốc-
lực hai toa xe máy cho đâm vào
nhau. B dù có thịt nát, xương tan,
nhưng cũng vui lòng há dạ vì đã
công nhiên trả thù một cách can-
đảm theo phạm-vi trong nghề.

Kết cục cuộc đấu xe lửa đó, cả
hai đều phải đem vào bệnh viện
bằng bó. Người ta đã vô tình để
đôi bạn đó nằm cùng buồng và
cùng một bác sĩ trông-nom.

Gây nên tai-nạn hiềm-nghèo,
chung quy chỉ lỗi tại tình yêu !

MẠNH PHAN thuật

P. N. KHUÊ

Cường lại đau khổ, phần đấu liên-liên
đó là châm-ngôn của những người yêu
mình, yêu đời, yêu sự sống. Đừng phân
nân ! Đừng mơ-mộng ! Văng mình vào
giữa trận tiền. Và phần - đấu luôn luôn,
mãi mãi, lặng lẽ mà gan góc, trầm-tĩnh
mà hàng hái. Ngày lại ngày, tiến dần vào
cõi sống, sua tan phũng bóng ma, phá
đổ các trở lực.....

Trích trong cuốn

NGUỒN SINH LỰC

của P. N. Khuê

Sách in rất đẹp, giá 0\$45

Đã có bán ở khắp các hiệu sách



HÀN - THUYỀN XUẤT - BẢN - CỤC

71 Phố Tiên Tsin — Hanoi

ĐỀU MỚI IN LẠI LẦN THỨ 2

SỐ TỬ VI LAP THÀNH

Dạy lấy số tử-vi không phải tính các
Sao — dạy cả cách đoán đã kinh-nghiệm

Giá Op.60

TỬ VI PHỤ ĐOÁN

nổi vao quyền trên — Giá Op.35

của

nhà lấy số tử-vi rất có tiếng là
Nguyễn-Phúc Am, chủ Thiên-Phúc-Đường



Mua buôn tại hiệu sách Đông-Tây
195, Phố Hàng Bông — Hanoi

Mua lẻ cả hai quyển gả bằng tem (cò) cũng
được, như thêm tào cước là Op.20 cho hiệu
sách ấy.

Mảnh sử - liệu

Chúa Võ-Vương nhà Nguyễn trong mắt một sử-gia Pháp

KỀ các chúa Nguyễn cai trị phương Nam, đến chúa Võ-vương Nguyễn Phúc-Khoat (1738-1765) thì cơ nghiệp nhà chúa thật là toàn thịnh.

Đời chúa Võ, đã bắt đầu mở cửa bờ cho các người n oại quốc đến buôn bán. Chuyện dưới đây là do một người Pháp kể lại một buổi vào triều-kiến nhà vua (1) :

«Chúng tôi đến tr ều k ến nhà vua, đã có một vị quan đón tiếp, qua hoàng thành vào tới nội-điện, còn cách độ 50 bước có hai hàng lính ngự-lâm giàn hầu. Lính này mặc áo nỉ vàng, trước sau có hai miếng dạ đỏ thêu chữ, đầu đội nón dẫu chóp đồng, và đi giày chiến hở bàn chân trước.

«Lính ngự-lâm người nào cũng vạm vỡ và để râu giải. Tất cả đều cầm gươm trần.

« Khi chúng tôi vào yết kiến, nhà vua (Võ-vương) rất vui-vẻ, ôn-tồn hỏi chúng tôi đến có việc gì.

«Tôi tâu rằng: Thịnh-đức của nhà vua đã bay đến Tây - phương, nên Hoàng-đế nước Đại-Pháp là một cường-quốc ở Âu châu sai tôi đệ quốc thư và phẩm-vật sang để kết tình giao-hảo và buôn bán giữa hai

nước.

« Ngài phán hỏi : Từ đây sang Âu-châu cách bao nhiêu dặm và sử-gia đã đi bao lâu mới đến.

« Tôi tâu : nước Đại Pháp cách xứ Nam-hà 6 nghìn dặm mà tôi đã vượt bể trong sáu tháng mới đến. Ngài lấy làm vui sướng vì thấy tiếng-tâm ngài đã vang-lừng ở một nước cách xa như vậy.

« Rồi, ngài lại phán hỏi thăm tôi về niên-canh, sức khỏe và hoàng-gia của Hoàng-đế Đại-Pháp, cùng những phong-tục tây-phương

« Ngài lại truyền cho chúng tôi đứng lại gần ngài rằng để ngài xét xem những y-phục của chúng tôi. Sai cỡi bỏ từng cái, cái nào ngài cũng thích. Duy đến bộ tóc giả (perruque) thì ngài lấy làm lạ, nhất là thấy có phần rắc trên tóc, ngài hỏi để làm gì. Tôi tâu : Để cho tóc khô và sạch. Ngài phán : Như thế chỉ thêm bẩn. Rồi lấy quạt mà quạt đưa cho phần bay lên.

« Trong khi hầu chuyện, tôi nhận thấy : Võ-vương là chúa thứ tám, đất Nam hà, thuộc về họ Nguyễn, là một ông chúa rất có thanh-thế.

« Làm chúa phương Nam đã được

10 năm, ngài mới có 39 tuổi. Võ-vương sức-lực khỏe-mạnh, mặt mũi rất khôi-ngô, tóc để giải đã hoa râm, trán rộng, tai giải, mắt to, lông mày đen, cong vòng cung. mũi to mà không thô, râu mép đen, nhiều, miệng rất tươi, dưới cằm có ít râu thưa thớt. Cổ ngài hơi to, vai rộng và ngực nở, hai bàn tay dày, bụng to, người to lớn, bề-về, chân vừa phải và bàn chân to.

« Những khi ngài ngự áo đại-triều thì dù đứng giữa hàng trăm quan cũng nhận ra được vì không ai to lớn bằng ngài.

« Nét mặt ngài hiền-từ, nước da trắng như hơi xanh, chỉ khi nào ngài cười thì mới có nét rắn

Kiểm duyệt bỏ

TIỀN-ĐÀM

(1) *Thuyết theo tập kỷ-hành của Pierre Poivre (1749-1750).*

Đón coi một số tới :

1.) Mong (chính-phủ Đông-dương và Triều-định Huế hằng năm đặt những giải thưởng văn-chương và khoa-học.

của Phạm mạnh-Phan.

2.) Một áng thơ được Phan thanh-Giản trân-trọng...

của Cô Mộng-Tuyệt

3.) Thành Đồ-bản.

của Bùi văn-Lăng

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MÀU
RAT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi băng dệt :

IPHUC - ILAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI - Tél. N°: 974

TÙY HÙNG

Mặt bể khi giăng mọc

Xanh-xanh bề tiện chân gòir ;
Vàng-vàng ngọc thổ ngòi-ngòi lên dần.
Nhấp-nhỏ lớp sóng xa gần
Lập-lòe lóng-lánh như lặn ánh vàng.

THÙY - THIÊN

Một ngày thăm vũng Hạ-long

Năm Giáp-tuất, Trung-thu sau tiết,
Rủ nhau đi cho biết Hạ-long :
Bần rượu ráo túi thơ không,
Cùng hai bạn với một đồng đứng đỉnh.

Năm giờ sáng, xuống thuyền năm khềnh,
Giới trong veo, phong-cảnh cũng trong veo
Hai chân sào ra sức cùng chèo.
Chèo đập nước, nước tung theo trắng xóa

Nhấp nhỏ núi đá tô xanh, đỏ ;
Diu dập buồm chài điểm nhỏ, to.
Nước xanh trong, phẳng lặng như tờ,
Trống xuống nước, núi thuyền pho nét vẽ.

Khe núi, ông giới vừa hé mặt,
Ngang thuyền, con gió cũng đưa hơi.
Kéo buồm lên, thuyền hứng gió giới,
Mái chèo gác, để một người bề lái.

Thuyền phăng phăng nghiêng mình lướt tới,
Rẽ nước thành tiếng réo rào rào.
Lên mũi thuyền, ngắm cảnh quanh bao,
Nắng tuy rất, gió thổi phào lại mát.

Kìa núi Oản, Án-Hương, hang Bà già, hang
Con gái ;
Nọ hang Luồn, Gà trội, qua Đầu-gỗ, đến
hang Giời.

Cảnh tuy nhiều, rút lại chỉ một vài :
Hết núi đá, lại nước, mây xanh biếc.

Muốn xem nhiều, hàng tuần chưa xiết ;
Xem một ngày, kể thiệt cũng xong.
Nước non là chuyện vô cùng.

CÁCH - CHỈ

Cỏ Ngu mỹ - nhân

N hệp bí khi tàn, cái oai hùng của cuộc
hải - chiến Hồ g - môn đã không còn nữa. Đố tạ
lòng Sở-vương Hang-vũ, giọt máu nàng Ngu còn
như gửi niềm ly hận trong ngọn cỏ thơm...

Nhưng giòng nước muôn đời vẫn chảy xuôi,
cả cuộc Sở Hán tranh hùng còn lại không hơn
gì hai nắm đất. C i lĩ phước hưng tang hải
khốc nghiệt thay mà cũng đáng ngậm ngùi thay !

Hồng-môn chen ngọc nát toi bời,
Mười vạn hàng binh đổ máu rơi !
Cung điện Hàm-dương ba tháng cháy,
Tan tành nghiệp bá, khói tro rồi !

Sức mạnh sao bằng nghĩa với nhân,
Âm-lãng lẽ tất phải thua quân.
Anh-hùng, võn học địch muôn kẻ,
Sao cứ khư khư buồn mỹ-nhân ?

Ba quân tan hết, cờ nghiêng ngả,
Trượng ngọc, giai-nhân sầu ủ-rũ.
Hồn thơm đêm lướt ánh gương bay,
Máu đỏ, trên đời, thành lớp cỏ.

Ngọn cỏ lạnh lòng lòng hận gửi,
Khúc xưa, nghe lại, vẫn chau mày !
Bồi hồi ai oán, sầu không nói,
Tiếng Sở-ca còn đâu vắng đây.

Chảy xuôi dòng nước xưa nay đó,
Sở, Hán mất còn, hai nắm mọ.
Chuyện cũ lâu năm nay hóa không,
Cảm-hoài trước chén vì ai nữa ?

J. I-IBA
(Dịch thơ cổ)

Nguồn gốc của mỹ thuật

TỰ xưa loài người đã mến yêu cái đẹp và đã tìm cách diễn-tả cái cảm-tình ấy. Tự xưa lòng người đã thấy rung động bởi cảnh sắc Tự xưa người ta đã tỏ ra có một tâm-hồn dồi-dào và mơ-mộng.

Ta thử xét xem cái mỹ cảm ấy nó đến với người xưa như thế nào, và xem họ diễn tả ra bằng cách nào.

Ta thử tưởng-tượng một người thượng cổ đơn-sơ, chất phác. Sau khi bữa no-nê rồi, chân tay rồi-rãi lắm, đầu óc thanh-thản lắm. Hắn không phải lo-ngại gì nữa vì hắn không lo xa lắm như ta. Ngồi trước cửa hang, nghe thấy tiếng suối róc-rách bên sườn non, lá vàng rơi lác đác trên nội cỏ, gió hát trong rừng hoang, lòng hắn tự nhiên cũng thấy có một thứ âm-nhạc dạt-dào ở trong và như đề ăn nhịp với điệu nhạc đang hòa bên ngoài. Hắn cảm thấy thế, nhưng không thể làm một bài thơ, đặt một điệu nhạc hay họa một bức vẽ.

Hắn cũng rung động và cũng thấy cần phải diễn-tả cái rung-động ấy ra. Nhưng diễn tả bằng cách nào?

Nhờ có tiếng nói, lại nhờ có tính hay bắt chước của người, nên đời xưa, dưới sự thúc-giục của lòng yêu đẹp, đã tạo ra những bài hát, bài ca sơ-sài

Nhưng tiếng nói chưa đủ diễn-tả hết, họ lại sinh ra âm nhạc và liền theo đó có sự nhảy múa. Bao giờ cũng vậy, ca hát, nhảy múa, âm-nhạc thường đi lền với nhau. Cái tính cách đặc biệt của những nền mỹ-thuật vào thời-kỳ cổ-sơ ấy là cái nhịp. Người thượng cổ rất ưa cái nhịp:

sự nhắc đi nhắc lại, nhịp-nhàng nguyên-truyền ấy rất hợp với tài mỹ-thuật của họ. Cho nên hiện bây giờ những người mọi ở Phi-châu và ở Úc-châu vẫn còn thích những tiếng chiêng, tiếng trống rầm-rĩ và nhịp-nhàng của họ. Nếu cho họ ngồi yên lặng để thưởng-thức một bản đàn của Beethoven hay một bài hát của Grace Moore thì họ sẽ không hiểu và không thích chút nào.

Ngoài tiếng nói, người xưa lại dần dần sinh ra chữ viết nữa. Chữ viết trước hết là những bức họa đơn-sơ để tả hình-dáng các vật vẫn trông thấy. Bởi thế cho nên những chữ viết đã lâu đời như chữ tàu, chữ hi-lạp, chữ hébreux, chữ phạn đều có tính-cách hội-họa nhiều lắm. Trông một bài thơ tàu, đầu không hiểu nghĩa cho lắm, ta cũng cảm thấy một ít thi-vị phảng-phất chung-quanh.

Nhưng lần lần hội-họa thoát-ly ra ngoài chữ viết, hay nói cho đúng, chữ viết thoát-ly ra ngoài hội-họa, để có thể chỉ nhiều vật, nhiều hiện-tượng khác có tính-cách trừu-tượng.

Nói cho cùng, ta có thể chia mỹ-thuật ra làm hai nhánh chính:

Một thứ đề phụng-sự cái tai và quây-quần chung-quanh tiếng nói;

Một thứ đề phụng sự cái mắt mà chữ viết có công rất to.

Nói tóm lại, lòng yêu đẹp là một cảm-ình thiên-nhiên của người. Người ta là một con vật nhưng một con vật biết rung-động vì có óc thông minh và có tâm-hồn. Khi bị thúc-giục bởi những sự cần dùng của đời sống, ta phải dùng sức mạnh của

thân-thể và trí-tuệ để làm việc, Nhưng khi rồi-rãi, cái đồ dùng của sự sống kia, nghĩa là thân-thể và trí-tuệ, cũng rồi-rãi quá.

Vả lại, trước khi tư-tưởng nghĩ-ngợi, ta đã bị rung-động bởi cảnh-sắc của trời đất và bởi chính lòng ta nữa. Mỹ-thuật vì thế mà có trước triết-lý. Ngay từ buổi sơ-khai, người ta đã có tính thích xếp-đặt, thích hòa-hợp để tạo ra những cái đẹp hợp với lòng mình. Ngay từ bước đầu, thiên-tính bắt chước đã bị vượt qua bởi trí sáng-tạo nó cũng thiên-nhiên như mọi cảm-ình khác. Bởi vậy, ta không thể nói quả-quyết rằng nền mỹ-thuật nọ bởi nền mỹ thuật kia mà ra.

Ngay từ buổi đầu tiên, người ta đã là con vật biết sáng-tạo. Nhưng có tính bắt chước, có trí sáng tạo, có tâm-hồn dồi-dào vị tất đã có thể làm nên nổi một tác-phẩm gì. Bởi vậy, người ta phải tỏ ra là một con vật thông-minh và hoạt-động nữa. Một kỳ sau sẽ nói kỹ về những ý tưởng ấy.

LÊ-TẢO

Ai đã chế ra máy chữ?

Ngày 7 Janvier năm 1714, chính-phủ Anh đã phát bằng cho một người Anh tên là Henri Mill đã nghĩ làm được thứ máy viết những chữ giống như chữ in.

Năm 1841, lại có ba nhà nữa nghĩ cách sửa-sang thêm: hai người Anh tên Alexandre Bain và Thomas Wright, một người Mỹ tên Charles Thurber.

Tới năm 1845, bác-sĩ Leavitt người quận Kentucky, chế được một cái tiện lợi hơn mà ông Prentice, trợ bút một tờ nhật-báo ở Louis ville, đã dùng để đánh một bức thư cho người quen, trong thư có câu « Ông bạn của đệ mới chế được thứ máy chữ, đệ vội dùng nó để gửi bức thư thư nhất cho huynh ông đây, mong huynh ông biết cho cái tình của đệ lúc nào cũng nhớ đến huynh ông lắm... »

KHÁI-SINH thuật

Hán-văn trích-diễm

«Trên ao», thơ Bạch-cư-Dị

HOA-BẰNG

Nguyên văn chữ hán

小娃撐小艇
偷採白蓮回
不解藏蹤跡
浮萍一道開

Tiểu hài sanh tiểu đĩnh,
Thâu thái bạch liên hồi,
Bất giải tàng tung-tích:
Phù-bình nhất đạo khai!

— Trí-thượng

Dịch

Cô em bơi chiếc thuyền con,
Hái trộm sen trắng, bon bon
vừa về.
Đè dấu dấu vết còn kia!
Rẽ quang một vết: bèo chia đôi
đang!

Chú giải

Tiểu hài là cô bé xinh đẹp.
Sanh là cầm, có khi đi đôi với
chữ trí, thành tiếng kép là sanh-
trí, nghĩa là cầm nắm gìn giữ.
Sanh tiểu đĩnh đây, xin hiểu
ngâm là cầm chiếc sào mà đẩy
con thuyền nhỏ.

Thâu là lấy trộm, hơi giống
với thiết là lấy cắp.

Bất giải là không biết, không
hiểu.

Tàng là cất giấu, không để
lộ ra.

Tung-tích, nghĩa đen là chỗ
bước chân in xuống thành dấu
vết, nghĩa bóng là tầm bóng
người nào hoặc vật nào hay là
những vết của sự vật gì còn để
hình-tích lại.

Phù bình là bèo nổi.

Nhất đạo là một đường lối.

Đạ-y bài này: Thấy hoa sen

trắng nở mơn mớn, cô em xinh
đẹp bơi chiếc thuyền con đi hái
trộm. Nhân vì thuyền qua, bèo
đạt, mở thành một đường dấu
vết trên mặt ao, khiến ai trông
thấy cũng biết ngay là có người
vừa thả thuyền, lướt qua mặt
bèo, hái vụng hoa sen trắng. Cô
em hãy còn ngây thơ, hành động
theo tự nhiên, nên không để ý
giấu giếm việc mình đã làm.

Bài này hay vì tác-giả Bạch-
Cư-Dị đã khéo để tả được
nhiều nét kỳ diệu: Cô em bé bỏng
chở chiếc thuyền cũng bé nhỏ
xinh xắn. Sau khi thuyền đã đi
khỏi, người đã về rồi, trên mặt
bèo xanh lênh bênh trong ao còn
in lại một vết quang đăng, khiến
người ta biết ngay đó là quang
cảnh sau khi có thuyền vừa
xuống hái sen.

Tác-giả lại khéo dùng những
tiếng hình-dung-từ để vẽ những
cảnh vật trước mắt: Sắc sen
trắng gọi cho người đọc liên
tưởng đến nước da trắng mịn
của cô em măng sữa ngây thơ.
Đó là một lối thơ rất có màu sắc.
Lại, khi đọc đến hai tiếng bèo
nổi, ta tưởng tượng ngay đến
thân bèo lênh bênh trên ao, hễ
chiếc thuyền lỏng qua thì bèo
phải nhẹ nhàng đạt ra hai bên,
để lộ sắc nước trong trẻo.

Bài thơ này như một bức vẽ:
phác sơ mấy nét mà có cái viễn-
vọng xa xăm, man mác, mộng-
mên...

Bài thơ này như một bản đàn:
đường tơ tlay ngừng, nhưng dư-
âm hãy còn bên tai văng vẳng...

Tiểu-sử Bạch-cư-Dị

Bạch, tên tự là Lạc-Thiên,
người Thái-nguyên đời Đường

(618-906), đỗ tiến-sĩ đời Nguyên-
hòa (806-820), làm chức Tả
thập-dĩ, rồi bị biếm-truất phải
ra làm Tư-mã ở Giang-châu.
Năm Nguyên-hòa thứ mười
(815), Bạch viết được bài Tỉ-
bà-hành, một áng văn kiệt-tác
nổi tiếng suốt xưa nay. Trong có
những câu hay, đẹp như:

Điền đầu, ngân phê kích liệt toái;
Huyết sắc la quần phiến tửu ô..
Kim niên hoan tiếu phục minh
niên,

Thu nguyệt, xuân phong đẳng-
nhân độ!

Nghĩa là:

Vành lược bạc chia tan dịp khổ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi!
Năm năm lần nữa vui cười,
Mãi giăng hoa chẳng đổi hoai
xuân thu!

Theo bản dịch của Phương-Đinh
Nguyễn-Siêu-tiến-sinh)

Về sau, Bạch lại được vời về
triều, làm đến Hình-bộ Thượng-
thư.

Khi tuổi già, Bạch tìm thú mua
vui bằng câu thơ, chén rượu,
hiện là Túy-Ngâm t ên-sinh (ông
say rượu và hay ngâm thơ) Bạch
có nhà ở Hương-sơn, nên xưng
là Hương-sơn cư-sĩ.

Thơ Bạch có những đặc-sắc
này: sâu-sắc, ôn-hậu, đẹp dễ,
chặt chẽ nhưng bao giờ cũng
nhuộm màu bình-dị

Vua Thanh Càn-long có phê bình
về thơ Bạch rằng: «Cội gốc thì dựa
theo cái tôn-chỉ sáu nghĩa trong
kinh Thi, nhưng không lỗi mất
cái ý ôn-hậu, hòa-bình. Biến đổi
lối thơ hùng-hậu, thượng kính
của Đỗ-Phủ, Bạch làm ra lối trôi
chảy, êm ả và rõ ràng. Không noi
theo diện-mạo nhưng vẫn lột
được cái thần-thái và ý-vị của thơ
Đỗ-Phủ.»

Đương đời bấy giờ, người ta
đua nhau theo lối Hán, Ngụy, đặt
ra những thơ cổ-kính, khó-khăn,

xem tiếp trang 12

1. — Tiểu-sử

DIỆN-TÍN Arip ngày 7 Aout vừa rồi báo tin ông Rabindranath Tagore, một nhà đại-văn-hào của Ấn-độ, của Á-châu, của cả thế-giới, đã tạ-thế tại Calcutta.

Ngay từ khi khảo-cứu về phần-thưởng văn-chương Nobel, chúng tôi đã thu-thập được nhiều tài-liệu về Tagore tiên-sinh (R. Tagore được phần-thưởng ấy năm 1913).

Nói rằng « nhiều » cũng chỉ là « nhiều » một cách tương-

Thơ Bạch Cư Dị

Tiếp theo trang 11

Rất đối có người lại làm thơ theo loi Nhã, Tụng trong kinh Thi đề lờ lợt ta đây là cao ky, là học rộng.

Phản-động lại phái thơ trên, ạch gây ra một lối thơ thật dễ hèn, cốt sao cho lọt được vào tai bình-dân.

Khi làm thơ, Bạch muốn cho bà lão nhà quê cũng có thể hiểu được. Đọc lên hề người ta không hiểu thì Bạch lại làm lại. Vì có tính cách bình dân ấy, thơ Bạch được lưu hành ở đương-thời một cách rất phổ-cập. Từ vương công đến các chị em dưới xóm và các trẻ chăn trâu bò chẳng ai không truyền đọc thơ Bạch.

Thơ của Bạch chẳng những được truyền ở lâu, ở ta, mà cũng được lưu hành ở Cao-ly và Nhật-bản nữa.

Mỗi khi lui tới xóm chị em, ai là không được nghe bài dịch thơ « Ti-bà » của Bạch do chị Lan, chị Tuyết giới thiệu với ta bằng giọng du - dương, uyển-truyền ? Do, thơ Bạch được phổ-cập là thế.

HÒA BẢNG

đối mà thôi; chứ thực ra những tài-liệu pháp-văn cũng như quốc-văn nói về tiên-sinh hầy còn hiếm-hoi quá.

Không kể mấy cuốn tiểu-thuyết của tiên-sinh (*La Maison et le monde, A quatre voix, v. v...*) khi dịch ra pháp-văn, có kèm thêm những bài tựa (của Romain Rolland, Léandre Vaillat, v. v...) thuật sơ qua sự nghiệp của tiên-sinh, lại không kể một cuốn sách nhỏ sưu và mỏng tèo độ hơn chục trang, bằng pháp văn, xuất-bản ở Saigon, năm 1924, thật quả không có một quyển sách nào nói kỹ về tiên-sinh hết.

Còn về những bài ngẫu ngôn, thì cả thầy độ rằm ba bài, tản-mác trong những số báo mà ít người còn giữ được, tựu-trung có một bài của ông Trúc-Hình trong Nam-Phong (Mai 1921) là quan-trọng hơn cả. Báo « Phụ-nữ tân-văn » trong Nam, báo « Văn-học tạp-chí » ngoài Bắc, trước đây, cũng có nói về tiên-sinh nhưng sơ-lược hơn nhiều.

Nhân dịp tiên-sinh mới mất, chắc hẳn có nhiều báo chí Pháp-Nam đã nói hay sẽ nói về tiên-sinh. Thật là một dịp cho ta tỏ lòng ngưỡng mộ một nhà đại-văn-hào đã làm cho thế giới không dám coi thường nước Ấn-độ.

Là con út trong gia đình năm con trai, Rabindranath Tagore (theo tự-điền Larousse du 20e siècle thì tiên-sinh chính tên là *Thakur*, còn *Tagore* là biệt-hiệu) sinh ở xứ Bengale (Ấn-độ) ngày mùng 6, tháng 5,

Một nhà đại-văn-hào vừa tạ-thế

RABINDRANATH TAGORE

(1861-1941)

NHÂN-NGHĨA

năm 1861 (tính đến nay vừa chẵn 80 tuổi).

Ông nội là Dwarakanath Tagore, một vị quốc vương, xướng lập ra phái tôn-giáo rất hoành tráng ở Ấn-độ : phái « *Brama samadj* ». Cha là Debendranath Tagore, một nhà đại-tư-tướng được quốc-dân Ấn-độ tôn-sùng như một bậc thánh sống. Mẹ mất từ năm R. Tagore còn nhỏ tuổi: R. Tagore có nhắc đến mẹ một cách cảm-động trong cuốn « *Réminiscences* ». Mẹ đã mất, mà cha thì mắc bận công nọ việc kia, nên mãi đến năm lên tám, R. Tagore bị giao-phó cho quân hầu đầy tớ: sự giáo-dục như vậy lẽ tất nhiên là chênh mảng và khuyết điểm.

Khi được vào trường Sư-phạm (*Séminaire Oriental*), R. Tagore tiên-sinh ít lo đến sự học-bành, nhưng chỉ thích làm thơ; thích làm thơ là vì có người anh họ giảng dạy cho cách-thức làm thơ. Năm 14 tuổi, tiên-sinh đã làm được một bài thơ rất hay (dầu đề dịch ra chữ pháp là: *Le Génie de Valmigny*).

Sau trường Sư-phạm, tiên-sinh lần lượt đến học ở viện « Bengal Accademy » và trường Trung học « *Salut François-Xavier* ». Tiên-sinh là một người

học-trò cũng « soàng » thôi; vẫn chênh mảng việc học mà chỉ thích thơ.

Năm 1877 (16 tuổi), tiên-sinh được nhà cho sang nước Anh du học. Tiên-sinh học ở trường Đại-học tỉnh Londres, rất chuyên về anh-văn. Sáu này, chính tay tiên-sinh lại dịch những tác-phẩm của mình ra anh-văn; nhờ đó, thế giới mới được thưởng-thực cái hay của những sách mà nguyên-văn bằng tiếng bengali.

Tuy vậy, tiên-sinh cũng không ở lâu bên nước Anh, chỉ những muốn chong chóng mà về cố-quốc. Sau này, trong tập « *Hồi-ức* » (*Réminiscences*), tiên-sinh thường nhắc đến những ngày trọ học ở nhà bác-sĩ Scott, phố Regent Street.

Khi về nước, tiên-sinh đứng quản-dốc 3 tờ báo xuất-bản hằng tuần, tên là « *Baradi* », « *Sainana* », và « *Vangatharisaname* ».

Năm 1900, tiên-sinh tự sáng-lập và quản-dốc một trường Đại-học, ở tỉnh Bolpur (gần Calcutta), lấy tên là « *Santianikethalam* » (nghĩa là Hòa-bình viện). Trường Đại-học ấy chuyên dạy về văn-hóa Đông-phương. Mục-dích của trường

là truyền-bá những tư-tưởng hòa-bình bác-ái.

Năm 1906, tiên-sinh chủ-tịch một hội-ngập tôn-giáo quan-trọng ở xứ Bengale. Năm 1907, tiên-sinh lại chủ-tịch một kỳ hội-đồng chính-phủ xứ Bengale. Đến năm 1912, tiên-sinh lại sang du-lịch Âu-châu.

Chính hồi này, tiên-sinh tự dịch ra anh-văn một cuốn thi-ca về tôn-giáo rất đặc-sắc của tiên-sinh (nguyên-văn bằng tiếng bengali, tên là « *Gitanjali* »; bản dịch chữ anh tên là « *Song offerings* »; bản dịch lại ra chữ pháp của A. Gide, tên là « *L'Offrande lyrique* »). Cuốn « tụng-thần-ca » ấy làm cho tiên-sinh tiếng-lâm lừng-lẫy ở Âu-châu. Vì thế, năm 1913, tiên-sinh được phần-thưởng văn-chương Nobel, là một phần-thưởng giá-trị nhất hoàn-cầu.

Khi ở Âu-châu, và sau này, khi sang Mỹ, sang Trung-hoa, sang Nhật, v. v., đến đâu tiên-sinh cũng diễn-thuyết về chủ-nghĩa hòa-bình và cổ-động cho « Hòa bình viện ».

Tháng Juin năm 1929, nhân sang diễn-thuyết ở Đông-kinh về, tiên-sinh có ghé qua Nam-ky và diễn-thuyết ở nhà Hát tây Saigon, được báo chí Pháp-Nam và công-chúng Saigon hoan-ngênh lắm.

Trong số báo này, chúng tôi chỉ mới thuật qua tiểu-sử của tiên-sinh.

Còn văn-chương và tư-tưởng của tiên-sinh, chúng tôi sẽ cho ra mắt độc-giả trong một số lời.

Nhân-Nghĩa

Thành Thăng-Long

(Tiếp theo trang 6)

có thủ-lâu, dưới có hào sâu, cầu bắc qua hào xây bằng gạch, bên ngoài lại có lũy thành thấp để che các lối cửa ra vào. Trông ra vẻ tráng lệ lắm.

Năm Minh mệnh 12 (1831) đổi Thăng long làm Hanoi, nên đời bấy giờ thường gọi là Hà nội tỉnh-thành.

Năm Quý-rao (1843), Thiệu-trị thứ ba, đổi hành-cung làm điện Long-thiên. (Xem lại bản đồ số 2 ở T. T. số 10).

Năm Mậu-thân (1848), Tự-đức nguyên-niên, vì việc sứ tầu sang phong vương, nhà vua đã cho dỡ phá hầu hết những cung-điện ở trong thành đi. Thực là một việc đáng tiếc!

Năm Quý-dậu (1873) và Quý-mùi (1883), sau khi quân Pháp hạ thành Hà-nội được ít lâu, thì thành-trị phá bỏ. Nay ta chỉ thấy còn một ít vách thành của Bắc phố Carnot thôi.

Ấy cuộc đổi thay của thành trì nó đã xúc-động biết bao tấm lòng hoài cổ! (Xem bản đồ số 3) (1).

HẾT

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

(1) Bản đồ số 1 — Theo sách *Căn khôn nhất lãm* của Đông dã Tiêu. Bản đồ số 2 — Theo sách *Thiên nam tứ chí* của ty Đô chính triều Tự đức. Bản đồ số 3 — Theo bản đồ thành phố Hanoi của sở Địa dư Đông dương.

Ký sau:

1) « *Chinh-chiến* », một bài thơ hùng-tráng của Minh-Tuyên, tả cảnh chiến-tranh từ xưa tới nay.

2) Cách gửi thư của ta ngày xưa, một bài khảo-cứu của Tiên-Đàm, nói rõ việc gửi thư và nhà trạm ngày xưa ra sao.

Tấn tuồng đời

Bi - kịch hay hài - kịch ?

NGUỜI ta sinh ra đời để làm gì ? Đó là một câu hỏi có đã tự hơn sáu nghìn năm nay, nghĩa là từ khi loài người biết tư tượng và biết họp thành đoàn-thể. Vậy mà đến nay cũng vẫn chưa giải-quyết được : chúng ta ở đâu « lạc lối » đến đây ? sống ở trên mặt trái đất này để làm gì ? Khi chết sẽ bước chầu sang cái thế giới nào khác ? Bao nhiêu câu hỏi, là bấy nhiêu câu khó trả lời, mặc dầu các nhà triết-học cổ kim đã lao tâm, khổ tư để trăm-tư, mặc-tư.

Sinh ra ở đời để ăn miếng ngon, mặc của tốt lấy vợ đẹp, để con khôn cháng ? Hay để miệt mài trong cuộc truy hoan, cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm, kéo nữa hết xuân ? Hay để làm giàu, để chạy theo những cái hư danh ? Để ngày hai buổi, « sớm vác ô đi, tối vác về », mà chờ cho ngày xanh môn mới ? Không ! Vậy sinh ra đời, để

chém giết lẫn nhau bằng đủ các cách khoa-học tối-tân ? Cũng có lẽ ! Hay để đóng một vai trò trong tấn tuồng « thiên-diễn » ? Đúng. Rất đúng !

Cái tấn tuồng đời có những chi ? Kề ra thì nhiều lắm, nhưng rút lại thật chỉ có hai trò, diễn đi diễn lại không biết bao nhiêu lần : tiền và tình. Thật thế. Từ xưa tới nay, trải bao phen sao đời, vật đổi, mà tiền vẫn là « chủ-nhân ông tiề-giới ». Trong tay đã sẵn đồng tiền, thì đại cũng hóa khôn, dở cũng hóa hay, muốn gì mà chẳng được, cứ gì là mua « tiền » ! Còn không có tiền thì cốt-nhục cũng đến tương-tàn, thân-thích cũng phải phân-ly ; và cho dầu « miệng có nói như rồng » cũng chẳng ai thêm nghe ! Biết bao nhiêu tấn kịch, đáng khóc, đáng cười, đã diễn ra trong gia-đình, ngoài xã-hội bởi cái thế-lực vô-song của kim-tiền !

Còn tình nữa. Thiên-hạ yêu nhau là yêu những cái bề ngoài, hoặc

những cái « bảm » vào người cả. Có yêu cậu, bởi tham cái bằng-cấp ; cậu yêu cô, bởi hám món tiền hồi-môn, v... v... Rồi tiền còn thì tình còn ; tiền hết, tình cũng hết. Tiền-tình ; tình, tiền, thật là « loanh-quanh trong cái vòng luẩn-quẩn » !

À cười đời ư ? Nếu đời là một tấn hài-kịch, thì cụ Nguyễn-tiên-Đền đã không phải nuốt lệ mà viết những câu như :

« Trái qua một cuộc bề-dầu,
« Những điều trông thấy mà đau-
dồn lòng ».

Ta khóc đời ư ? Nếu đời là một tấn bi-kịch, thì cụ Nguyễn Phi Khanh đã không viết mấy câu :

« Ngồi buồn mà trách ông xanh,
« Khi vui muốn khóc, buồn tanh lại
cười ! »

Các bạn đa tư lự nghĩ sao ? Các bạn đa-sầu, đa-cảm nghĩ sao ? Chắc các bạn cũng đồng-ý với CHAMFORT nói với SIEYÈS trước khi lâm chung rằng : « Thôi ! bạn ơi, tôi vĩnh-biệt cõi đời này, nó làm cho ta phải tan-nát lòng, hay trở nên sạt đá vì những điều trông thấy ! »

LAM-ANG

THOẠI-NHIỆT-TÂN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sưng đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoại-Nhiệt-Tân hiện Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đới hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đổ vào cửa mình là khỏi rút. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HONG-KHÊ »

Không chọn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG KHÊ

Giấy thép buộc ngang giới. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rút nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bờ. Chi nhánh 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biên sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Hợp-ước tương-trợ Pháp Nhật về việc phòng-thủ Đông - Dương

CUỘC tấn-công vào xứ Syrie ở dưới quyền ủy-nhiệm nước Pháp đã một phen phơi ra ánh sáng cái dã-tâm của Chính-phủ Luân - đôn định xâm-chiếm các thuộc-địa Pháp, hoặc vì sợ địch-quân mượn các nơi căn-cứ để đánh thuộc-quốc Anh, hoặc vì thuộc-địa Pháp có địa-thế thuận-lợi tiện cho việc giao-thông giữa các đất thuộc Anh cai-trị.

Thực vậy, Anh đã lợi dụng thời-cơ để tìm cách chiếm các thuộc-địa Pháp.

Một chứng-cớ là dân miền duyên hải Somalis vì không chịu phục-tòng Chính - phủ Anh mà đương sống trong cảnh lầm-than cơ-cạn với cuộc phong-tỏa Anh. Mà đất Somalis trong cuộc chiến-tranh hiện thời không giúp ích gì cho Anh trong việc quân-sự cũng như về phương diện kinh-tế.

Đông-dương không phải là một đất-đai ở dưới quyền ủy-nhiệm nước Pháp. Đông-dương gồm có một thuộc-địa và bốn xứ bảo-hộ, dân tuy nhiều giống nhưng hợp làm một khối trung-thành dưới chính-thể Pháp-quốc. Chính-phủ bản-xứ vẫn tiến-hành công việc cai-trị dưới quyền kiểm-đốc nước Pháp và vẫn được bảo thủ những tục mĩ, phong-thuần.

Vì vậy, trước tình-thế quốc-tế hiện-tại, dân Đông-dương vẫn một lòng trung - thành với Chính-phủ Pháp.

Sau cuộc thắng lợi trên đất Syrie, Anh hình như sửa-soạn, giúp phái De Gaulles, để định nhóm xứ Đông-dương.

Gần đây, Anh tải rất nhiều quân-như chiến-cụ đến Tân-gia-ba, Mã-lai và biên-giới Thái-lan. Trước cái lực-lượng ấy, Đông-dương không thể không lo ngại mà không tìm cách tự vệ.

Chính quốc ở xa, các đường giao thông bị Anh phong tỏa, dù có muốn đem thêm quân đội và

chiến-cụ sang Đông - dương cũng không phải là việc dễ.

Nhật-bản là một cường-quốc có nhiều lợi quyền ở Á-Đông, vẫn chú-trọng đến tình-hình quốc-tế. Muốn tránh một cuộc ngoại-xâm, Nhật cần có các nơi căn-cứ ở miền Nam để phòng một cuộc tấn-công của nước địch. Vì vậy, Nhật yêu-cầu Chính-phủ Pháp phòng-thủ Đông-dương và xin hợp-tác về mặt quân-sự.

Đương lúc nước Pháp cần các phương - pháp phòng - thủ Đông-dương, lại được nước Nhật-bản công-tác, lẽ tất nhiên là phải nhận nhời.

Ngày 29 Juillet 1941, hồi 11 giờ, tại Vichy, Đô-đốc Darlan, Phó-quốc-trưởng Pháp, và Đại-sứ Nhật-bản Sotomatsu Kato đã ký một bản hợp-ước đại-lược có ba khoản thiết yếu :

1. Hai Chính-phủ Pháp-Nhật cam-đoan tương-trợ trong việc phòng thủ Đông-dương ;

2. Phương-pháp phòng-thủ sẽ tùy thời tình-liệu ;

3. Điều-kiện hợp-ước sẽ thi-hành cho tới khi tình-thế quốc-tế đã yên.

Hợp-ước làm thành hai bản và bắt đầu thi-hành từ 29 juillet 1941.

Hội - nghị tư-vấn Nhật bản đã duyệt-v hợp-ước này.

Đại-tướng Sumita và các nhà cầm quyền Pháp tại Hà nội và Sài gòn đã thỏa-thuận về các khoản thi hành hợp-ước.

Quân-đội Nhật được dùng các nơi căn-cứ hải, lục, không-quân tại miền Nam Trung-kỳ, tại Nam-kỳ và Cao-miên.

Từ 30 Juillet 1941, quân-đội Nhật đã bắt đầu đồ bộ tại miền Nam Đông-dương, không xảy sự gì. (Tin này, Tri-Tân đã nói sơ ở mục « Tin vắn... » trong số 10).

Quân-đội Nhật-bản và chiến-cụ tập-trung ở Đông-dương sẽ đủ lực-lượng để cùng Chính-phủ Đông-dương để phòng một cuộc ngoại-xâm.

Ký hợp-ước tương-trợ với Nhật,

Chính-phủ Pháp đã hành-động một cách nhanh chóng để đi đến một cuộc phòng-thủ chung với Nhật trên giải đất Đông-dương. Hợp-ước này không phải là một cuộc đồng-minh về quân-sự, không phải việc nhượng chủ-quyền ở các nơi căn-cứ.

Nhường và cho mượn các căn-cứ-địa khác nhau nhiều lắm : Đã nhường cho một nước thứ ba một căn-cứ-địa thì dù hiện-tại, dù tương-lai, cũng không còn một tí quyền-lợi trên đất nhượng-địa ấy nữa.

Còn như cho mượn một căn-cứ-địa, thì chủ-nhân ông vẫn có chủ-quyền trên đất ấy. Một thí-dụ :

Theo các khoản hiệp-ước 9 Mai 1941, Nhật-bản được dùng tạm-thời các cơ-quan quân-sự tại Hải-phòng, tập-trung quân-đội và chấn-cụ ở một vài tỉnh Bắc-kỳ. Tuy vậy, tại Hải-phòng và ở mấy tỉnh ấy, vẫn có quan-chức văn-võ Pháp cai-trị, tức là nước Pháp vẫn có chủ-quyền ở các nơi ấy.

Việc Anh đánh Syrie với việc Nhật phòng-thủ Đông-dương không giống nhau :

Tại Syrie, Anh không điều-định trước với Chính-phủ Pháp, cứ công-nhiên đem quân sang xâm-chiếm.

Trái lại, đối với vấn-đề Đông-dương, Nhật tỏ rõ với Chính-phủ Pháp quan-niệm của mình và điều-định một cách rất thân-thiện với Pháp để tìm các điều-khoản một hợp-ước tương-trợ.

Nhật được hưởng nhiều sự dễ-dàng để hợp-tác với Chính-phủ Đông-dương trong việc phòng-thủ các miền quan-ngại.

Nhật công-bổ giữ nhời hứa cũ từ hợp-ước 30 Août 1940 : giữ nguyên-vẹn lãnh-thổ Đông-dương ở hiện-tại cũng như ở tương-lai, tôn-trọng chủ-quyền nước Pháp trong các xứ Đông-dương và trong thời-kỳ Nhật đóng quân tại các căn-cứ-địa Đông-dương.

Ngày nay, Đông-dương nhờ hai Chính-phủ Pháp Nhật cộng-tác trong việc phòng thủ, dân không còn lo ngại một cuộc ngoại-xâm, có thể vững tâm sinh hoạt trong cảnh thái bình thịnh trị.

NHẬT-NHAM

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc tế

Đức thắng Nga một trận to tại Smolensk, bắt được 310000 tù-binh, 3205 chiến xa, 3120 súng thần-công.

Đại-sứ Hoa-kỳ Leahy đệ trình Thống-chế Pétain bức công-diệp của Chính-phủ Hoa-kỳ muốn biết rõ cách phòng-thủ thuộc-địa Pháp như thế nào? Pháp đã trả nhời.

Một chiếc tàu Lỗ-mã-ni và một chiếc tàu Ý dời bến Stamboul (Thổ) ra khỏi eo biển Dardanelle bị tàu ngầm đánh đắm.

Đại-tướng Antonesco, vì đã có công trong việc giải-phóng xứ Besarable khỏi nội thuộc Nga, mới được quốc-trưởng Đức thân-hành tặng chiến-thư bội-linh.

Một chiếc tàu ngầm Đức bị Anh đánh đắm trong Đại-tây-Dương.

Nga và Na-uy lại mở cuộc ngoại-giao.

Từ miền duyên-hải Pháp, súng Đức bắn qua vịnh Manche sang đất Anh. Vài người bị thương, ít nhà bị hư-hỏng.

Thổ-nhĩ-kỳ vẫn đứng trung-lập. Đại-biểu Anh và Nga điều-định để kéo xù Iran về phe mình, nhưng Iran giữ trung-lập.

Chính-phủ Hoa-kỳ phái thêm 17 sĩ-quan về ky-binh và pháo-thủ sang Phi-luật-tân.

Có tin Tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt đã hội-kết cùng thủ-tướng Anh Churchill.

Công-ty Đức-Hung mới tìm được một giếng dầu hỏa giữa đồng-bằng Hung, cách tỉnh Toklomles 3 cây số.

Hội-nghị chiến-tranh Úc đã họp một thời-kỳ rất lâu để xét tình-hình Viễn-đông.

Mùa màng ở Gia nã Đại rất tốt.

Hai chiếc tàu Thổ chở lúa mì sang

giúp Hy-lạp đương bị nạn đói kém.

Rất nhiều chiến-cụ của Mỹ gửi sang Nga đã lên đường sang Nga.

Tàn-quân Anh vẫn kháng-chiến trong các vùng rừng núi trên đảo Crête. Quân này hai tháng trước không kịp tàu thoát, nên hiện nay thành những quân du-kích chống nhau với quân Đức đóng ở đảo.

Xưởng Staline gần Mạc Tỵ Khoa vẫn tiến-hành như thường. Hàng mấy triệu thợ thuyền vẫn đúc chiến-cụ, tuy các xưởng-ấy đã bị mấy trăm tạc-đạn phá hủy.

Quân Nga bị chết trận ở Ukraine nhiều lắm. Những sư đoàn Nga bị vây ở Odessa không thể xuống tàu chạy thoát được.

Quân Phần ở phía bắc đã chiếm được Sortavale quân Đức ở phía nam đã chiếm được Nicolaiev và Krivoirog của Nga. Có lẽ Nga, Anh sẽ dùng binh lực để uy hiếp Ba-lư (Iran).

Đông-Dương

Nghị định của quan Toàn-quyền ký ngày 12 Aout 1941 đã định thể-lệ việc cử hội-viên Hội-đồng thành phố Saigon, Hanoi, Haiphong theo như sắc-lệnh ngày 27-4-41.

Chức Đốc-lý (xã-trưởng) sẽ do quan Toàn-quyền cử theo đề nghị của các quan Thủ-hiến mỗi xứ và sẽ chọn trong hàng các quan cai-trị.

Hội-đồng thành phố gồm có 12 hội-viên thực-thụ và 4 hội-viên dự-khuyết người Pháp do quan Toàn-quyền cử và chọn trong số 32 nhân-vật do quan Thống-đốc Nam-kỳ hay quan Thống-sứ Bắc-kỳ tiến cử; 10 hội-viên thực thụ và 3 hội-viên dự khuyết người Nam do quan Toàn-quyền cử và chọn trong số 26 nhân vật (công chức hay không phải công chức) do quan Thống-đốc Nam-kỳ hay quan Thống-sứ Bắc-kỳ tiến cử.

Công-báo Đông - dương ngày 9 Aout có đăng nghị-định quan Toàn quyền ký ngày 5 Aout tạm thời thi hành nghị quyết của Hội-đồng Chính-phủ ngày 10 juin 1941 cấm việc xuất cảng hàng hóa. Phương pháp ấy chỉ cốt để kiểm-sát việc xuất-cảng, để thực hành cho được dễ dàng những điều cam kết với ngoại-quốc và để chống lại nạn đói khổ.

Nghị định quan Toàn-quyền ngày 15 Aout 1941 định việc lập những cơ quan cần thiết để khuyến khích cuộc phát triển của kỹ nghệ và tiểu công-nghệ ở Đông-dương.

Kính cáo cùng bạn đọc thân-giêu của

QUỐC HỌC THƯ - XÃ

Vì ấn-loát rất công-phu, lổn kèm, trình-bày rất mỹ-thuật. cuốn đặc-san số 1 của Quốc-học thư-xã, bìa hai màu, có cliché photogravure, là cuốn

NGƯỜI L CH - THIẾP

bắt buộc phải định giá lại là 0p.65 một cuốn mới đủ tiền in, và bộ

TÀM NGUYỄN TỪ-BIỆN

Dày ngót 400 trang có chưa chữ Hán, cũng vì các lẽ trên, bắt-buộc phải định giá lại là 2p 80 một bộ mới khỏi lỗ tiền in, mong các bạn đọc thân-giêu lượng biết cho.

Có in một số sách bằng giấy bouffant hảo hạng 3p.80 một bộ bìa vải chữ vàng 5p 00 một bộ dành riêng cho các bạn đặt tiền trước ngày 15 Septembre 1941.

Lê-văn-HOÈ
Giám đốc Quốc-học Thư-Xã
16 bis rue Tien Tsin - Hanoi

Quyền vàng lần giở

« CHỒNG CON »

của TRẦN TIÊU (1)

TÔI đã có lần nói đến ông Trần Tiêu với tác-phẩm đầu của ông là quyền « Con trâu » (2).

Tôi đã nhận thấy cái chỗ tham-lam của tác-giả đem ba cuốn tiểu-thuyết hợp làm một : một cuốn nói về ái-tình quê-mùa, một cuốn tả gia-dình dân quê với bao sự nghèo đói túng-thiếu và một cuốn tả phong-tục xóm làng việt nam với những hội-hè đình-đám, với những cảnh chè chén, khao vọng mua nhiều, bán xă.

Tôi vẫn nhận thấy cái « tội » tham-lam ấy trong quyền « Chồng con » vừa mới xuất-bản.

Nếu « Con trâu » là cuốn tiểu-thuyết của người đàn-ông dân-quê việt-nam, thì tôi có thể nói : « Chồng con » là cuốn tiểu-thuyết của người đàn-bà dân-quê việt-nam.

Vì cái luận-đề rộng rãi ấy (đời sống từ trẻ chí già của người đàn bà nhà quê), nên tác-giả được thể kéo dài : nào sự lo-lắng buồn phiền của người đàn bà lấy chồng tám chín năm mà chưa có con tuy đã cúng-vái cầu tự đến này, phủ khác ; nào lúc có một vài mụn con rồi lại lo-lắng cho chồng nên danh nên giá với làng trên xã dưới ; nào buồn-phiền khi chồng ham-mê cờ-bạc ả-dần ; nào buồn-phiền thấy con gái nhớn lấy lẽ một ông nghị, vì bị hành-hạ khổ sở quá mà phải trốn đi với một chàng trai-trẻ khác ; nào buồn-phiền thấy con gái nhỏ lấy chồng nghèo quá đến nỗi phải chết trong một cái quán bên đường sau khi đẻ được đứa con đầu lòng ; nào lo-lắng cho con

trai nhớn được chức phó-lý và cưới vợ cho nó ; nào lo cho chồng « lên lão » sáu mươi ; lại lo gây-dựng cho con trai nhỏ đã đi lính nay mai đóng cai, đóng đội... Đây, cả một đời buồn-phiền lo-lắng ! Đây, cả một đời dăm-dang, làm dâu, làm vợ, làm mẹ của người đàn-bà dân-quê việt-nam

Tác giả cứ thực-hành cho xong cái chương - trình rộng-rãi ấy cũng đủ làm một pho sách rồi. Vậy mà ông gặp chuyện gì cũng dừng lại, tả tỉ-mỉ, kể lể con cá con kê, người này nói thế này, người kia nói thế khác. Ông đã dành cả chương VII trong phần thứ nhất để tả một canh bạc ở nhà chánh-hội, dành cả chương đầu phần thứ hai để tả cái « ra vắn vào vớ » trong một ngày của ông lý Bồng, chồng người đàn bà vai chính cuốn truyện.

Tôi luôn luôn thấy những cái « rườm rà », những cái « lảm nhời » của tác-giả. Giá bỏ được những cái ấy, thì cuốn tiểu-thuyết 264 trang có thể rút bớt được 100 trang mà chắc không hại gì cho giá-trị cuốn sách.

Vì giá-trị nó đâu phải ở những chỗ kể-lể lai-nhai chuyện này chuyện khác. Giá-trị nó là ở chỗ tả cái đời dăm-dang của người đàn bà nhà quê nam-việt :

« Quanh năm buồn bán ở mom
sống,

Nuôi nổi năm con với một chồng ».

Suốt một đời cần-lao tận-lực vì chồng, vì con, người đàn-bà ấy chỉ mỉm cười sung-sướng khi thấy chồng, thấy con được nên danh nên giá, làm nên ông nọ

ông kia có ngôi ăn chốn ngôi trong chỗ đình-trung. Còn ngoại-giả chỉ thấy những buồn phiền cùng lo-lắng.

Viết đến đây, tôi sực nhớ đến một cuốn tiểu-thuyết của nữ-sĩ Pearl Buck. Trong cuốn « The Mother » (La mère), bà đã kể lại truyện thương - tâm của một người đàn-bà nhà quê trang-hoa, nghèo hèn nhưng dăm-dang, tuy chồng bỏ, nhưng cũng cô tần-tảo để nuôi ba con với mẹ chồng. Đứa con út, theo cộng-sản, phải bỏ mình trên đoạn-đầu-dài. Đứa con gái, mù, lấy chồng trong một nơi rừng rú nào đấy. Bà mẹ lo lắng vì không nhận được tin con gái, khi tìm được đến nơi thì con đang hấp hối. Tuy vậy, người trưởng nam bà ta vừa có con trai : đứa cháu đến làm cho những ngày tàn của bà đỡ sầu khổ... Nếu ông Trần-Tiêu có đọc qua cuốn truyện này, tất nhận thấy không có chỗ nào dài dòng, không có những đoạn tả cảnh vô ích.

Tôi cũng đã được đọc một truyện tương tự như vậy của một văn sĩ nước Bào (Bulgarie) tên là Boris Sivachev. Truyện như thế này : Bôi - Ca là một thiếu nữ xinh nhất làng, mà lại lấy phải một anh chồng rượu chè be bét ; một đêm kia, chồng say rượu bị xe cán chết. Thân góa bụa phải tần tảo nuôi bốn đứa con thơ cho đến lúc chúng nó khôn lớn lên. Đứa con gái lớn đỗ, ra làm cô giáo, lấy chồng, được một mụn con gái. Con trai thứ nhất cũng làm ông giáo ; con trai thứ hai đi ngoại-quốc học y-khoa ; con trai thứ ba đang ở trường trung-học, thông minh hơn hai anh nhiều lắm. Thế rồi, một ngày kia, người

(1) Đời Nay xuất bản, giá 0,90.

(2) Nứa Nam 14-12-1940.

mẹ được tin con trai thứ hai của bà chết ở ngoại-quốc : Một lần khóc ! Chiến-tranh xảy ra ; con trai cả đi lính chết trận : Hai lần khóc ! Con trai thứ ba vì có tư-tưởng quá khích bị bắt tình nghi, bị đánh đến nổi về đến nhà tởm ra huyết mà chết : Ba lần khóc ! Con gái cũng lại chết nốt : Bốn lần khóc ! Nhưng đứa cháu gái đã học đỗ cô giáo. Bà cụ đến ở với cháu ngoại. Chợt có bệnh thời khí. Cô cháu lại chết nốt. Đây : Cả một đời đau đớn của người làm vợ, làm mẹ, làm bà.

Ông Trần-Tiền có biết cuốn truyện lâm-ly thông-thiết ấy dày như thế nào không ? Xin thưa : Đó chỉ là một truyện ngắn, chép ra chỉ độ rằm trang giấy. Rằm trang giấy mà tả suốt cả một đời người từ lúc trẻ thơ cho đến khi dầu bạc. Dòng dòng cảm-động, lời lời thiết-tha. Tác-giả nếu không phải là một nhà tiểu-thuyết có biệt-tài chắc không sao làm nổi.

Tôi nhắc đến hai nhà văn ngoại-quốc trên đây để tỏ rằng cái « dai dẳng văn-tự » không cần lắm cho gia-trị một cuốn sách.

Những trang đặc-sắc nhất trong « Chồng con » là ở phần thư nhất. Tác-giả tả rất khéo nhưng nỗi lo-âu của người đàn-bà muộn con, kên cầu lễ-bái đến này, phủ khác, mong ngày mong đêm cho cái bụng « phỏng phỏng » lên mà không được. Cảm-động nhất là lúc bà cụ già đang ốm nặng gần đất xa trời mà được tin nàng dâu đẻ cháu trai thì ngồi nhồm ngay dậy, nhìn cháu và cười sung sướng trước khi thở hơi cuối cùng. Thật là hình-ảnh nghìn năm của người đàn-bà việt-nam, chỉ mong có mụn cháu trai « nối dõi tông-đường » tuy đã có mấy đứa cháu gái.

Trong phần thứ hai có chỗ này hơi giống một truyện khác của Mạnh-phú-Tur. Đây là chuyện « làm lẽ » của con gái lớn bà lý Bông : Cũng cảnh cha chú muốn cho con cháu lấy lẽ nhưng kẻ giàu sang danh-giá đề mong có chỗ nhờ. Và cũng cảnh đám cưới thiếu chủ rể vì hẳn không thêm đến đón dâu, nhất là cô dâu là vợ lẽ. Tuy vậy, những chỗ giống nhau này chỉ là một phần nhỏ của cuốn sách ; không thể vịn vào đấy mà bảo rằng Trần-Tiền đã phỏng theo Mạnh-phú-Tur.

Theo ý tôi, nếu tác-giả đừng tham-lam nhưng cho cuốn tiểu-thuyết dừng lại cái chết của bà cụ mẹ chồng, nghĩa là sau khi hết phần thư nhất, thì hay hết bao ! Không kể chương bày hơi dài giọng thì phần thư nhất là cuốn tiểu-thuyết bất-hủ của người đàn-bà việt-nam, của người vợ tám chín lần không sinh đẻ, chỉ cần giới khấn phật cho có mụn con, bất cứ con trai hay con gái, của bà cụ già thêm thuở một mụn cháu trai trước khi chết. Đây là những trang tuyệt-mỹ. Giả có người đem dịch ra pháp-văn, tôi tưởng, cũng không đến nổi hồ-thẹn với làng văn ngoại-quốc.

Phần thư hai chẳng thêm được cái gì « hay ho » lắm, ngoài cái đại-ý : tả những cảnh « khổ vì con » Ở đây, không còn cái gì là « bất-hủ » nữa. Một đứa con gái lớn lấy lẽ một ông nghị rồi bỏ đi theo trai, một đứa con gái nhỏ chết trong một cái quan bên đường : bày nhiều cái làm cho người mẹ đau khổ thật, nhưng cũng chẳng có gì đặc-sắc lắm, cũng chẳng làm tăng gia-trị cho phần thư nhất.

Phần thư nhất có những bức tranh linh-động, có những hình-ảnh bất-diệt, có một cái gì « vĩnh-viễn » của tâm-nhồn nam-việt. Phần thư hai chỉ là một cuốn truyện thương.

Về cách hành-văn, ngoài « tội » rườm rà lắm nhời, tác-giả còn có một vài lời nói về sự dùng chữ sai : « thời-buổi nao kim-cương ấy » (tr. 87), « những tuyết rằm mong mọi » (tr. 99). Chữ « tuyết » này, tác-giả lặp đi lặp lại nhiều lần lắm. Tác-giả lại cho mọi cô dâu nhà quê nói với mọi ông lý câu « đặc tay » này : « Luồng gió may-mạn nao đưa anh đến đây ? » (tr. 107).

Dù sao, tôi cũng thành-thực khen ông Trần-Tiền đã cho ta một cuốn sách đặc-sắc tuy chưa được hoàn-toàn cho lắm

Nhân Nghĩa

CÁC BẠN NÊN ĐỌC

ĐỜI TÀI HOA

Tập lịch-sử ly kỳ nhất của cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh

bạn đồng bệnh của ông Cáo - Bá - Quát

do ông NGUYỄN - VĂN - BỀ soạn

ông DƯƠNG - TỰ - QUÂN duyệt

Trong sách chia làm 5 mục. lịch sử cụ, tác-phẩm cụ, chuyên cụ với ông Cáo Bá Quát, ông Tùng-Thế - vương với cụ, cụ với các bà chúa Thượng-Sơn Lại Đức Dươ sách in tự tích cụ, có lẫn chữ ông Cao-Bá Quát, ông Tùng-Thiến-Vương

Giá 0p 35 - Bán ở hiệu sách Đông-Tây 19 Hàng Bông Hanoi (mua 1 quyển giả bằng tem cũng được, nhớ thêm tiền cước thư 0p 06)

NGUYỄN-HOÀNG-ĐỨC

(1748—1819)

↑

TRÊN con đường Saigon đi Mytho qua tỉnh-lỵ Tân-an độ hơn 3 cây số, có một đường nhỏ rẽ sang phía tay phải, góc đầu đường có một tấm bảng lớn kẻ cái tên chỉ dưới giòng chữ lớn :

« Tombeau du Maréchal Duc »

Khiến cho người khảo-sát, khách du-quan phải dừng chân lại ngắm-ngẫm bồi-hồi. Cứ nhìn theo từ tấm bảng cho tới khóm dừa xanh um ở trong làng cuối đường thì thấy làng Khánh-hậu, là quê-hương của một hồ-tướng khai-quốc công-thần nhà Nguyễn: Nguyễn-hoàng-Đức. Lăng và nhà thờ ở cả trong làng này.

Vào đầu làng thì đến ngay nhà thờ ông, cách chừng 100 thước nữa mới tới lăng. Nhà thờ ông đây chính là nhà của ông ở từ khi chưa ra phò vua Nguyễn: mái lợp ngói, chung quanh tường bằng ván, ở giữa một cái vườn rộng trồng cau và dừa.

Ngay cửa vào gian giữa có cái hương-án trên có chân dung ông mặc phẩm phục võ quan có đề phẩm tước ông. Sau hương-án, nghĩa là ở giữa nhà thờ, có một bộ ván dày và lớn tức là bộ ghế ngựa khi sinh-tiền ông hay ngồi mát. Trên bộ ngựa, bày la-liệt khám cùng ngai và bài vị đề chữ tự xưa hầy còn cùng các đồ dùng của ông trước như gối, tráp, quạt, hòm sắc. Phía trên có bức hoành ba chữ lớn: « Vạn lý danh ». Ở nhà thờ và ngoài lăng còn có rất nhiều câu đối, xin lược thuật ra sau này :

I — Bắc Nam tam tông-trấn, vạn lý bình quyền ;

Tiền hậu lưỡng tướng-quân, lục sự soái lĩnh.

II — Hoàng thiên tri nghĩa liêt, hậu tương tước xỉ đáp thành thần ;

Bạch nhật quân tinh trung, phân phó thần-minh phù phúc tướng.

III — Thất thập hữu nhị thu, trung hựu nhất sinh thụ lập ;

Cửu nguyệt trùng dương nhất, thọ ninh ngũ phúc thọ chung.

IV — Trung nghĩa cương thường, long hổ phong vân đình hoi ;

Anh hùng mi mục, Tiêm, Miên, Lao, Man tri danh.

Ngoài cửa nhà thờ, cách một cái sân nhỏ lại còn có một cái tiều-dinh trong đề cái đòn võng của ông khi xưa và một lá cờ đuôi nheo phai cả màu-sắc.

Nguyễn-hoàng-Đức sinh năm Mậu-thìn 1748) tại Gòng Cái-én (tỉnh Định-tướng) thuộc làng Trường-khánh, huyện Kiên-hung. Nay làng Trường-khánh thuộc về tổng Long-hung, tỉnh Tân-an hợp lại với làng Nhân-hậu nên gọi là Khánh-hậu.

Hoàng-Đức vốn là dòng-dõi quan đời nhà Lê : cha là Hoàng-công-Lương, ông nội là Hoàng-công-Chu đều là quan thủy-sư triều nhà Lê Ông tên là Hoàng-công Đức, vì có công nên được ban quốc-tính (họ nhà vua) là Nguyễn.

Năm Canh-tý (1780), trong khi còn nhà Tây-sơn chúa Nguyễn-phúc-Ánh (1) xưng vương-biêu ở Gia-dinh, thì Hoàng-Đức mới ngoài 30 tuổi.

Hoàng-Đức vốn là thuộc-tướng

của Đỗ-thanh-Nhân. Sau khi Nhân đã bị tội chết, Đức lại theo về với Nguyễn-vương, được phong làm chức Thiên-quân đề đi đánh quân địch.

Tháng 3 năm Nhâm-dần (1782) Tây-sơn biết tin Đỗ-thanh-Nhân đã chết rồi, bèn vào đánh Gia-dinh. Nguyễn-vương chạy ra Tam-Phụ. Nguyễn-hoàng-Đức cùng Trần xuân Trạch và Nguyễn kim Poằm với 300 quân theo đi đề cự ch ến. Khi Tây-sơn đã kéo đến gần, quân Nguyễn đánh phá được và đuổi mãi đến Trấn-dinh. Hoàng-Đức làm tiên-phong, Tôn-thất Cốc làm Trung-quân tiến đến đóng ở sông Tứ-Kỳ.

Nguyễn-văn-Huệ dẫn quân bày trận trên bờ sông lại đánh kịch-liệt. Quân Nguyễn phải lui Ngựa của Nguyễn-vương sa phải bùn lầy. Hoàng-Đức vực vua Nguyễn lên bờ, rồi trở xuống ghé vai vào cổ ngựa xốc được cả ngựa lên ; nhưng ngựa vẫn chưa chịu chạy, ông phải nắm tay dắt ngựa, nó đau quá, bấy giờ mới lồng lên chạy. Vì thế nên Tây-sơn đuổi không kịp.

Đến đêm sau, chúa tôi lại phải đi đường thủy. Bình-linh-quân chèo thuyền báo phía trước có buồm của thuyền địch tiến đến rất nh ều, nhà vua đã toan nhảy lên bờ, thì Hoàng-Đức can lại mà tâu rằng : « Khúc sông này có nhiều cá sấu, xin hãy đề xem hư thực ra làm sao đã » Sau thuyền tới gần, nhìn ra thì chỉ là một đàn cò trắng ngủ trên một cây.

Thuyền thì chật hẹp ; nhà vua thì mỗi-một lăm, phải nằm gối đầu vào đùi Hoàng-Đức mà ngủ. Đức ngồi suốt đêm, phây muối cho vua ngủ ngon giấc và coi-sóc quân-lính chứ không dám ngủ.

(1) Tức là Vua Gia-Long sau này.

Năm Quý-mão (1783), trận đánh ở Đồng-tuyên, Hoàng-Đức đã 36 tuổi, cùng với 500 quân đều bị Tây-sơn bắt được. Nguyễn-văn-Huệ vẫn biết và mẫn Đức là một tướng tài, nên muốn lưu lại để dùng chứ không nỡ giết. Song Đức vẫn muốn trốn đi chứ không muốn hàng phục.

Một đêm, ngủ trong trướng, mơ-màng. Đức quát mắng Huệ thậm tệ. Song Huệ cho là ngủ say, nói mê, đã không giết chết, lại còn tặng cho châu báu để mua chuộc. Dù được Tây-sơn hầu đãi như thế, Hoàng-Đức vẫn không truyến lòng chút nào cả. Đến năm Bính-ngọ (1786), Nguyễn-văn-Huệ đem quân ra đánh Bắc-thành, sợ nếu để Hoàng-Đức ở lại thì Đức sẽ trốn đi, tìm về với chúa Nguyễn, nên cũng đem cả Hoàng-Đức đi theo. Đến lúc về thì lưu Hoàng-Đức ở lại Nghệ-an.

Tướng của Nguyễn-văn-Nhạc là Nguyễn-văn-Duệ. trấn thủ Nghệ-an, không muốn làm tôi Huệ. Hoàng-Đức biết ý ấy, nên nói lừa rằng: « Chúng ta nên đem binh lên đi đường rừng, vào Qui-nhơn để hội với vua Thái-đức » (Nguyễn Văn-Nhạc). Huệ tưởng thực, lập tức đem hơn 500 bộ binh, theo đường rừng núi vô Nam và cho Đức đem quân bản bộ vào trước. Đi được hơn 10 ngày, Đức cho người đến báo Huệ rằng: « Tôi, ai vì chúa này. Đức không bao giờ quên chúa cũ cũng như tướng quân không quên chúa Tây-sơn, vả lại chúa cũ của tôi mới thật là chân mạng thiên-tử, tướng quân nếu muốn bỏ nơi tôi, tìm đến nơi sáng, thì cũng nên đi theo với tôi để lập lấy công danh. Nếu không muốn thế thì thôi, tôi xin từ biệt mà đi đây... »

Đã bị đánh lừa, lại thấy nói thế, Huệ tức lắm, bèn cho đưa lệnh-

trên đến nơi Đức mà nói lừa lại rằng: « Ông nói hợp ý tôi lắm, song hãy chờ tôi đến, rồi ta sẽ cùng đi một thể. »

Đức biết ý Huệ lừa lại mình, sợ đi chậm thì sẽ bị bắt lại, bèn noi theo châu Lạc-hoàn, tắt sang đất Vạn-tượng (tức là Vientiane), đi sang nước Tiêm-la, tìm vua Nguyễn.

Đường đi quanh queo vất vả, quân sĩ hết cả lương thực, phải hái lá cây, củ chuối trong rừng mà ăn. Trong lúc quân đang đói, bỗng thấy trong rừng có một cây to, trên có đến vạn chim nằm ngủ, quân sĩ trèo lên bắt, thì té ra lá cây hóa bình chim: hai cái cánh thì là lá, duy chỉ đầu và thân thì dính vào cành. Ăn ngon lắm. Các mường mán trong rừng núi vẫn được nghe tiếng Hoàng-Đức, nên đem cơm gạo ra tiễn rất nhiều. Nhờ thế, Hoàng-Đức mới sang được đến đất Xiêm.

Thời bấy giờ trong Nam có mấy câu hát khen Hoàng-Đức:

Ngậm-ngùi thay, tôi trung-liệt

Giữ một tiết ngay ở cùng chúa

Vẹn toàn câu chung thủy!

Đứng ngàn xưa ước có mấy ai!

(còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

Các vị đã giả tiền báo

(Tiếp theo số trước)

Ô. Thăng Bình Cao lãnh	6 p. 00
Vũ xuân Loan Vientiane	5, 50
Dương kim Hải Bắc liên	5, 50
Ng. trọng Vinh Boneng	3, 00
Bùi mộng Lân Haiphong	3, 00
Ng. văn Hoài Bentrè	3, 00
Ng. đăng Sung Xieng-khuong	2, 80
Trần Từ Cana	2, 00
Phạm văn Vinh Hanoi	1, 50
Lê văn Thuyết	— 1, 50
Khoát Hải	— 1, 50
Ng. văn Linh	— 1, 50
Trần duy Diên	— 1, 50
Ng. văn Hòe	— 1, 50
Ký Nhã	— 1, 50
Ng. đức Hình Phú thọ	1, 50
On Thủ dầu Một	1, 50
Ng. văn Sáu Gocong	2, 80
Trịnh hữu Ngọ Cam-phamine	2, 80
Trương trung Ngọc phổ Bình gia	1, 50
Président Amicale Pakse	2, 80
Lê văn Chanh	— 2, 80
Huỳnh văn Huy Pnom-Penh	5, 50
Lê văn Minh Xieng-khuong	2, 80
Trương Xuân Pnom-penh	5, 22
Lê văn Thơm Saigon	5, 50
Trần văn Hanh Pnom-penh	1, 50
Ng. mạnh Bảo Saigon	1, 50
Ng. hữu Hy Kampot	2, 80
Ng. thành Đàm Saigon	23, 09
Ng. phi Chúc Hatinh	1, 50
Ng. thượng Đài Long-xuyen	1, 50

(Còn nữa)

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

*Chef de clinique des maladies cutanées
et Syphilitiques à l'École de Médecine*

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da,
và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng: 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều: từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TEL. N. 15.38

Một chuyện lạ

(Tiếp theo trang 4)

Cuộc công-cán của De Mayrena cũng nhờ các cố giúp sức nhiều lắm. Khởi-hành từ tháng Avril năm 1888 ở tỉnh Qui-nhon, De Mayrena đứng đầu một phái-bộ gồm có 20 tên lính dưng Sài-gòn, một trăm tên vừa phu khuân-vác vừa người thông-ngôn. Lại đem theo một người nhân-tình bản-xứ, và một người pháp nữa tên là Mercurol, nhưng người này đi được nửa đường thì trở lại.

Chẳng bao lâu, phái bộ đi đến những làng mọi đầu tiên, De Mayrena xin ký với những tù-trưởng họ những điều-ước giao-hảo. Đã có nhà giòng chỉ-dẫn, ông thông-báo cho các tù-trưởng công việc sứ-mệnh của ông rằng ý ông muốn hợp cả các bộ-lạc dân mọi lại dưới quyền ông để nhờ nước Pháp bảo-hộ, mà cùng phải cam-đoan rằng từ nay đình-chỉ việc tranh-cạnh trong các bộ-lạc họ.

Ông tiến mãi vào nội-địa xứ mọi, vượt qua cả những thung-lũng mà trước kia đã có những cuộc thám-hiêm trải tới. Không ngờ dân mọi, đầu cũng hoan nghênh ông, ông liền bố cáo lên rằng mục-đích của ông là đến để bênh-vực dân mọi, chống lại với người nam và người xêm. Thành ra ông được lòng tin cậy khắp trong các dân mọi.

Thâm ý của ông là định tự lập riêng một triều-đình của ông ở xứ mọi.

Một nhà truyền-giáo đi theo ông về có kể chuyện rằng: Dân mọi thường thích nghe tiếng súng nổ, cầu khẩn ông bắn luôn cho họ xem. Thấy ông bắn nhắm đích, họ lấy làm phục lắm.

Đến tháng Jain năm ấy, ông tổ-chức một chính-thể quốc-gia lập-hiến, gọi là « nước Sé-đăng », có đủ các tù trưởng các bộ-lạc ký kết.

Đến tháng Juillet, ông lại lập một hiến-chương mới, có 15 khoản như sau này:

Khoản 1 — Tất cả những địa-hạt của các bộ-lạc đã giao ước với nhau, từ nay hợp thành một nước

Khoản 2 — Địa-hạt của dân Sé-đăng rộng hơn hết, nên lấy quốc-hiệu là « Nước Sé-đăng »

Khoản 3 — Ông De Mayrena đã được bầu lên làm vua xứ Sé-đăng, thì từ nay được tôn lên làm Đại-đầu-vương.

Khoản 4 — Vua có quyền lập kế-tự. Nếu không có đích-kế, vua có thể lập tự trong tôn-thân. Con trai trưởng vua gọi là Xô-đăng (tức như thái-tử). Các tộc-thuộc, tùy nơi, đều gọi là hoàng-tộc.

Khoản 5 — Quốc kỳ thì dùng màu lam, có chữ « thập » trắng với ngôi sao đỏ ở giữa.

Khoản 6 — Vua có quyền-hành tuyệt-đối: Cai-quản tất cả các tù-trưởng văn-võ trong nước và phân-xử những việc bất-bình khi các tù-trưởng không phân-xử xong.

Khoản 7 — Vua có quyền định-đoạt sự chiến hay sự hòa trong buổi hội-đồng.

Khoản 8 — Vua tự đem quân đi chinh-chiến hay cử người đi thay ngài cũng được.

Khoản 9 — Những thổ-địa nào mà chưa có dân ở, là đất của vua, chỉ có vua mới có quyền xử-trị

Những đất trong các làng không thể cho hay bán lại cho ai mà không có vua ưng-thuận. Nếu vua không cho phép, sự bán hay sự cho sẽ vô hiệu. Dân làng nào cũng có thể được hưởng dụng tất cả những đất-đai mà họ đã trồng-trọt theo sự cần dùng của họ. Nhưng, những đất hoang phải trả lại vua. Nếu vua muốn lấy đất của làng nào, phải báo cho xã trưởng làng ấy mà phải bồi thường một cách công-bằng.

Khoản 10 — Dân các làng phải chọn lấy xã-trưởng để trông-nom về việc nội-trị và việc tuần-phòng. Danh sách những xã-trưởng này sẽ đệ lên vua để được trao cho dấu-hiệu quyền chức. Còn những chức-vi phẩm-trật về văn-ban hay

võ-ban, chỉ duy có vua là đứng chủ-tể mới ban cho được thôi.

Khoản 11 — Cấm trong nước từ nay sự hy-sinh thân-thể không được có nữa. Bãi việc nô-lệ, cấm dân Sé-đăng không được đem bán người. Kẻ nào phạm phải, sẽ phải đem nộp cho vua, vua sẽ bắt làm việc công-lác cho nước.

Khoản 12 — Các tôn-giáo được-tự-do truyền giảng trong nước Sé-đăng, duy có đạo Gia-tô được nhận là quốc-giáo.

Đối với vua, hay với sứ-mệnh của ngài, thì lệ « riêng » (tức là tước cấm vào trong làng) không được thi-hành nữa. Dù có chứng cứ gì mặc dầu, đã có lệnh của vua, thì lệ « riêng » phải bỏ.

Khoản 13 — Ngoài hội-đồng toàn hạt, có mặt các tù trưởng bên văn và bên võ, vua lại đặt thêm một hội-đồng tư-vấn, để trông-nom các việc thường.

Khoản 14 — Phàm những tráng-đinh nào có thể mang nổi được binh khí đều là lính hết. Khi có việc chiến-tranh xảy ra, vua có thể hiệu-triệu số lính cần-thiết bao nhiêu cũng được. Ngoài đạo quân này, mỗi năm, mỗi làng phải cung 4 tên tráng-đinh cho vua để sung vào đội hộ-vệ.

Khoản 15 — Những sự sửa đổi mới vào hiến-chương này phải có vua cùng với hội-đồng toàn hạt định mới được, không thì vô hiệu.

(Còn một kỳ nữa)

Liên-Giang

Tri-Tân ở trong Nam

Bản chí đã nhờ được cô GIAO-ANH đi cõ động trong Lục-tỉnh. Mong các bạn đọc vui lòng giúp cô ấy để làm tròn phận sự. Bản chí xin cảm ơn lắm.

Tri-Tân

TIÊU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 10

Một tháng sau, Mạc Mậu-Hợp giở về Thăng-Long, sai Trần Bách-Niên đem đại-quan vào đánh Văn-Khuê : Khi thế rất mạnh, cả thủy bộ đều tiến. Văn Khuê với Bạch y nương giao chiến một trận đầu cùng đội tiên phong quân Mạc, bắn giết được nhều, nhưng quân địch vẫn cuồn cuộn tiến. Hai vợ chồng thấy thế núng, và nếu để quân Lê cùng tiến đánh, thì thế rất nguy, bèn quyết kế về Lê. Văn-Khuê sai con Văn-Nguyên đem hàng thư thẳng vào Thanh-hóa xin cứu viện. Trịnh-Tùng xem xong thư cả mừng, vội về nói rằng :

— Văn Khuê về hàng, thật giỏi cho ta chóng thành công đấy. Đất đai của Bản-triều có thể hẹn ngày lấy lại hết được !

Lập tức Trịnh-Tùng sai Hoàng-đình-Ái đem thủy-quân tiến trước. Lại quận-công Phạm văn - Khoái đem quân bộ ra sau. Hoàng đình-Ái tiến quân đến làng Bái-đỉnh (thuộc huyện Gia-viễn), Văn - Khuê đem quân ra nghênh tiếp. Đinh-Ái cùng Văn-Khuê hợp lực lại tiến lấy Diêm-giang (thuộc làng Diêm-xá, Gia-viễn). Quân Mạc ào-ào lui giữ sông Thiên-phái (sông con chảy qua huyện Ý-yên đổ ra sông Đáy).

Mấy hôm sau Trịnh-Tùng đem đại-quân ra đến Trường-yên. Văn-Khuê thân lại yết-kiến, khóc kể tâm sự mình. Trịnh-Tùng úy-lạo, rồi cho đem quân đi tiên-đội. Đại-quân qua bến đò Hoàng-xá (Gia-viễn) tiến lên đến Kẽm-trống và Bồng-lạng (thuộc Thanh-liêm, Hà-nam) đóng dinh trại. Bèn tả-ngạn sông Đáy, quân Mạc đóng ở bến đò

Đoan-vĩ (Thanh-liêm). Nửa đêm, Tùng sai Văn-Khuê từ trên Bồng-lạng cho quân sang đò, đổ bộ bên tả-ngạn. Rồi ở dưới Hoàng-xá tiến lên, ở Bồng lạng ủa xuống, quân bộ siên vào, trên dưới đánh giáp lá cà. quân Mạc rối loạn, vỡ chạy cả. Đại tướng Trần Bách-Niên đem quân đến cửa quân xin hàng.

Tháng mười. Trịnh-Tùng và Bùi văn-Khuê lại tiến đánh Thăng-long. Mậu-Hợp bỏ chạy sang Kim-thành (Kinh-bắc), lập con là Đồng lên làm vua, đổi niên-hiệu là Vũ-Thành, tự mình ra đốc quân chống giữ.

Trịnh-Tùng tiến quân đánh Hải-dương, phá vỡ quân Mạc Kinh-Chỉ ở Thanh - hà. Qua những phủ Hạ-hồng, Nam-sách, Kinh-môn : nhà cửa đồ đồng-ngang, dân-gian bỏ chạy tán loạn. Quân tiến xuống Vĩnh-lại, đóng ở Ninh-giang. Lũ bầy tôi nhà Mạc là Đỗ-Uông, Đồng-Hãng, Đàm văn-Tiết cả thấy mười bảy người đều đem quân đến cửa viên xin hàng phục.

Bộ-quân của Lai quận-công Phạm văn-Khoái tiến đánh Kinh-bắc, lấy được mấy huyện Võ-giang, An-dũng, đuổi Mạc Mậu-Hợp qua sông. Mậu-Hợp bỏ thuyền, lên cạn, chạy trốn vào chùa Phụng-Nhơn, đại quân đến nơi, dân làng hướng dẫn vào chùa bắt được Mậu-Hợp, tước vào sau voi, đem về Thăng-long, bêu sống ba ngày, rồi đem chém ở bến Bồ-đề. Trịnh-Tùng sai mang đầu Mậu-Hợp vào nơi hành tại ở Thanh-hóa để dâng vua Lê. Lại đem đóng đánh vào hai mặt Mậu-Hợp.

Ấy là vào khoảng tháng chạp năm Nhâm-thìn.

Qua tháng Giêng năm sau (Quý-tý, 1594), Trịnh-Tùng và Văn-Khuê tiến đánh Mạc-kính-Chỉ ở Thanh-lâm (Hai-dương) : bốn mặt giáp đánh, bắt được Mạc-kính-Thành, Mạc Lý-Hựu ở Đông-triều, đuổi kịp lũ Mạc kính-Chỉ ở làng Tân-mạnh (thuộc huyện Hoàn-bồ, Quảng-yên) bắt tất cả văn vũ liêu thuộc hơn 60 người, đem về Thăng-long giết cả. Đầu Kinh-chỉ đem vào Thanh-hóa.

Họ Mạc mất. Những người giòng-giỏi họ Mạc tản-mát ở các nơi đều phải dời ra Hoàng, Phạm, Đặng, vân vân.

Chỉ còn bọn Mạc kính-Cung chạy lên Cao-bằng, nhờ được vua nhà Minh bên Tàu che-chở, giữ vững được ba đời. Mãi đến nam Đinh-mùi, niên hiệu Cảnh-trị thứ năm, đời vua Lê Huyền Tôn (1666), Đinh Văn-Tả mới đánh tan được Mạc Kinh-Vũ ở Cao-bằng.

PHẦN THỨ BA

I

Năm Kỷ-hợi (1599) niên-hiệu Quang-hưng thứ hai mươi hai, triều vua Lê Thế-Tôn. Trịnh-Tùng tự tôn là Đô nguyên-súy, Tổng quốc chính Thượng-phụ An-bình vương, lập phủ chúa ở phía Nam thành Thăng-Long, xây dựng lâu-đài nguy nga hơn cung-điện nhà vua. Trịnh tự xưng là chúa, giữ hết quyền chính-trị, đem cả trăm quan về bên phủ. Vua Lê chỉ còn có hư-vị, được thu thuế một nghìn xã để làm lộc dưỡng thân, có một ít voi ngựa và quân thị-vệ, còn việc nhón nhỏ đều về tay chúa cả.

Mùa thu năm ấy, cung điện phủ chúa hoàn-thành, Trịnh-Tùng đặt tiệc mừng trăm quan. Từ nhị-phẩm trở lên, được mời cả vợ cùng đi vào mừng chúa. Bùi-văn-Khuê khi ấy được phong Mỹ - quận - công, tước hàm vào bậc nhất, nên Bạch-y-Nương cũng phải vui vẻ, cùng nhau vào phủ.

Bạch-y-Nương, với vẻ đẹp thiên nhiên tuyệt thế, vẫn là một cái đích để nhận bao cái nhìn say đắm của bọn mây râu. Các quan đều đổ đôn con mắt vào nàng. Trịnh-Tùng

thân xuống thêm dẫn vợ chồng nàng lên lầu. Trong lầu Kiến minh rộng ba mươi gian, bày nguyên phương-kỹ. Các khách mời ngồi riêng hai phái: bên tả, các quan cao-cấp ở triều và ở các trấn; bên hữu, các phu-nhân cùng vương-phi và các thứ-phi trong phủ chúa.

Một cuộc họp mặt rất vui vẻ. Các thị-nữ bên phủ môn mở trong bộ áo hồng nhạt, thắt đai xanh, luôn luôn lách qua hàng ghế, dâng giầu nước. Từng hộp giầu sơn đỏ cứ truyền tay nhau, óng ánh hợp tia sáng vào các nét thêu trên áo của các quan, làm cho người ta tưởng tượng đến muôn nghìn đạo hào quang đua sáng... Các quan ngồi nói chuyện rất thân mật...

Hết hai tuần giầu nước, tiệc rượu bùng lên. Trịnh-Tùng thân đi từng mâm một, niềm - nở rót rượu mời quan khách. Mỗi lúc ngừng dẫu lên, ông lại không quên nhìn trộm Bạch-y-Nương đang nói chuyện với bà phi. Ông ngắm-nghĩa, ông so sánh: Thật là tuyệt thế giai nhân, khắp vương-phủ, không một người nào bì kịp. Ông nghĩ bụng rằng mình đã có công tìm kiếm khắp mọi nơi mà sao không đâu được người như vậy! Trần gian này, thật khó thấy người thứ hai!

Mời hết lượt các quan rồi, Trịnh-Tùng sang mời phía các phu-nhân. Ông tỏ vẻ vồn vã săn-sóc Bạch-y-Nương hơn hết. Ông hỏi chuyện liên-miên về văn-chương, về võ-nghệ, về phong-cảnh, về đời người.

Câu nói nào của nàng, ông cũng tỏ ý bằng lòng, thích chí, hết mực ngợi khen...

Rượu đã ngà-ngà, các quan không còn giữ lễ mấy, dần dần đã ồn-ào to tiếng. Họ tranh cãi trong những câu chuyện về việc đời, về binh pháp, về chiến lược, về lễ bĩ thái ở giới đất, về sự hưng, vong từng thời đại. Sau cùng họ nói về hạnh-phúc đời người.

Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng nói:

Xin mạn phép Chúa Thượng, tôi hỏi các bạn đồng liêu đây: Đời người thế nào là sung-sướng nhất?

Nhiều người nhao nhao nói:

Ở đời này sung - sướng nhất Hoàng - Thượng, rồi đến Chúa - Thượng: Hoàng-Thượng làm vua cả muôn dân; Chúa-Thượng cai-trị cả một nước.

Có người siem nịnh nói:

— Tôi tin Chúa-Thượng còn sung sướng hơn Hoàng - Thượng. Vì Chúa cầm cả quyền-chính trong tay, thưởng kẻ ngay, trị kẻ gian, làm lợi cho thần dân thiên hạ.

Văn Khuê nói:

— Tôi thì không nghĩ thế. Quyền chính và sung-sướng hai đẳng khác nhau. Chúa - Thượng đã là bậc vương-giả, cái trọng-trách càng lớn lao, thì lúc nào cũng luôn phải bận rộn nghĩ ngợi thì còn đâu là sung-sướng? Theo ý tôi, chỉ những nhà điền-chủ có dư ruộng cấy trâu cày, với ít nhiều tôi tớ trong nhà, sớm tối ung - dung nơi đồng áng hay cạnh cảnh núi rừng, quan bất cần

dân bất nhiễu, như thế thật là sung-sướng.

Nguyễn-Hoàng giơ hai tay, hờn-hờ nói:

— Tôi cũng đồng một ý như Mỹ-quận-công. Trên Chúa-thượng và dưới bon ta đây, đều phải lo-lắng về chức-phận cả, có khi suốt đêm không ngủ được. Chỉ có bác nông-phu nơi thôn-đô là vô tư-lự, sung-sướng nhất thôi!

Trịnh-Tùng từ nãy chăm-chú đến câu chuyện của mọi người, giờ mới xen vào, đầu đầy đều im thít. Tùng nói:

— Kể bàn về sung-sướng thì vô cùng. Kể được thế này lại mong thế khác. Nhưng riêng ý tôi, tôi cho Mỹ-quận-công là sung-sướng hơn cả!..

Bạch-y-nương giật mình, ngoảnh lại nhìn chồng và Trịnh-Tùng, nàng sợ chồng đã nói gì thất thổ, làm phật ý Chúa-thượng chăng! Nhưng không, Trịnh-Tùng vẫn tươi-cười vui-vẻ, liếc nhìn Bạch-y-nương rồi nói:

— Không, Mỹ-quận công và phu nhân đừng ngại, tôi nói thực tình đây. Một bậc tài cao học rộng như Mỹ-quận công, được sánh vai với một bậc kỳ-nữ như phu-nhân, văn hay, võ giỏi hơn người, lại có một sắc đẹp huyền-ảo đắm say riêng của những bậc thần-tiên, chứ cõi đời này không bao giờ có, như thế, tôi tưởng, không còn gì sung-sướng bằng!

(Còn nữa)

SẮP CÓ BẢN

NGƯỜI LỊCH THIỆP

Đặc - san của
QUỐC - HỌC THƯ - XA

Một cuốn sách không ai bỏ qua được.

Một cuốn sách mà ai cũng phải có ở đầu giường.

Một cuốn sách mà ai cũng ưa đọc.

Dày trên dưới 150 trang, bìa hai màu, in mỹ-thuật, giá 0p.55

ĐƯƠNG IN

**TÂM NGUYÊN
TỪ ĐIỂN**

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh
chuyện s từ Việt - Hán

Dày độ 300 trang

Giá 1p.40

BẢN GẦN HẾT

**QUỐC SỬ'
ĐỈNH NGOA**

Được dư-luân báo - chí
hoan-nghênh nhiệt - liệt

Giá 0p.50

Thư và mandat đề M LÊ-VĂN-HÒE

16 bis Rue Tien-Tsin Hanoi

«Phàm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ,
Hết tiền liêu, trảng sĩ cũng nằm co!
Chẳng khôn ngoan, cũng chẳng thân sơ,
Có hơi kềm mới tha hồ ngang ngựa...»



Mấy câu trên này của cụ Nguyễn-
Công-Trừ thực chí lý lắm thay!!!
Nhưng lúc này kiếm được ra tiền
khó quá,

Có dễ chăng?

Chỉ bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỎ ĐÔNG PHÁP

May ra trúng hàng vạn chưa biết chừng!



CÁC BẠN THỦ' MUA XEM!